

nanoco

Panasonic

CATALOGUE



THIẾT BỊ ĐIỆN DÂN DỤNG

THIẾT BỊ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

ĐIỆN GIA DỤNG



Ampo.vn



www.nanoco.com.vn



fb.com/nanoco.com.vn



info@nanoco.com.vn



Hotline: **1900 67 11**



MỤC LỤC

T01 - 02

THIẾT BỊ ĐIỆN

Panasonic



WIDE SERIES

T03 - 05

Panasonic



MẶT CÓ NẤP CHE

T05

Panasonic



MẶT KIM LOẠI
BỀ MẶT NHÔM CAO CẤP

T05

Panasonic



WIDE SERIES - REFINA

T06

Panasonic



WIDE SERIES - CHUYÊN DÙNG
CHO KHÁCH SẠN

T07

Panasonic



HALUMIE - ACRYLIC

T08

Panasonic



HALUMIE

T09

Panasonic



FULL COLOR

T10

Panasonic



MODERVA

T11 - 12

Panasonic



MINERVA

T13 - 14

Panasonic



GEN - X SERIES
CHUẨN A/ CHUẨN BS

T14

Panasonic



Ổ CẮM CÓ DÂY

T15

Panasonic



Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

T15

Panasonic



Ổ CẮM ÂM SÀN TRÒN
- CÓ ĐẾ ÂM

T15

Panasonic



THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN

T15

Panasonic



6kA

MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO
VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

T16

Panasonic



10kA

MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO
VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

T16

Panasonic



COMPACT

RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI,
NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

T17

Panasonic



RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI,
NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

T17

Panasonic



RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

T17

Panasonic



BỘ CẦU DAO AN TOÀN

T17

Panasonic



THIẾT BỊ CHỐNG SÉT
LAN TRUYỀN SPD

T17

Panasonic



KHỞI ĐỘNG TỬ DẠNG DIN

T7

Panasonic



CẦU DAO ĐÓNG NGẮT
MCCB

T18

Panasonic



PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐÓNG NGẮT
MCCB

T19

Panasonic

NEW



KHỞI ĐỘNG TỬ CÔNG NGHIỆP 3P

T19

Panasonic

NEW



RƠ LE NHIỆT

T19

Panasonic

NEW



MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB

T20

Panasonic



LEVEL ART
TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG

T21

Panasonic



MODERVA
TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG

T21



MỤC LỤC

T01 - 02

THIẾT BỊ ĐIỆN

Panasonic



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

T22

Panasonic



Ổ - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP

T22

Panasonic



CHUÔNG PANASONIC

T22

nanoco



DIMMER - ĐÈN BẢO
CẦU CHÌ

T23

nanoco



Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

T23

nanoco



ĐUI ĐÈN E27

T23

nanoco



BÚT THỬ ĐIỆN

T24

nanoco



CÔNG TẮC THẺ

T24

nanoco



Ổ CẮM CÓ DÂY

T24

nanoco



TỦ ĐIỆN

T25

nanoco



ĐẦU BÁO CHÁY

T26

nanoco



CHUÔNG ĐIỆN

T26

nanoco



ỐNG LUỐN DÂY ĐIỆN
NẸP LUỐN DÂY ĐIỆN

T27

nanoco



PHỤ KIỆN PVC

T28

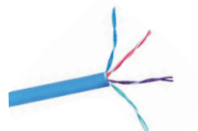
nanoco



HỘP NỐI - HỘP ÂM

T29

nanoco



DÂY CÁP MẠNG

T30

nanoco



BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

T30

PCE



Ổ CẮM - PHÍCH CẮM
CÔNG NGHIỆP

T31 - 32

nanoco



CẦU DAO CÁCH LY

T32

nanoco



Ổ CẮM - PHÍCH CẮM
CÔNG NGHIỆP

T33

Panasonic



QUẠT HÚT

T34

Panasonic



QUẠT HÚT SƯƠNG

T34

Panasonic



QUẠT CẤP GIÓ

T35

Panasonic



QUẠT CHẤN GIÓ

T35

Panasonic



QUẠT HÚT CABINET

T35

ĐIỆN GIA DỤNG

Panasonic



QUẠT TRẦN

T36-38

Panasonic



QUẠT ĐIỆN

T39

Panasonic



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ
MÁY HÚT ẨM

T40 - 41

Panasonic



MÁY NƯỚC NÓNG
MÁY SẤY TAY

T42 - 44

Panasonic



MÁY BƠM

T45



	WEV502107SW Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít 250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	85.600
	WEV5001SW/WEV5001-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	24.600
	WEG5151-51SWK/WEG51517SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	124.200
	WEV5002SW/WEV5002-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C - 2 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	50.500
	WEG5152-51SWK/WEG51527SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	147.000
	WEV5033-7SW Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	269.000
	WEG5141SW Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A Illuminated switch B Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	342.500
	WEG5004KSW Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E - 4 ways Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	273.000
	WEG5401-011SW Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	76.000
	WEG3032RSW Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	129.000
	WEG502127SW Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị 250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	97.000
	WEV5001H/WEV5001-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B (1 - way) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	40.500
	WEG5151-51KH/WEG51517H Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch B Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000
	WEV5002H/WEV5002-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C (2 - ways) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	70.600
	WEG5152-51KH Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated switch C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	188.000
	WEV5033-7H Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A Glow switch D - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	334.000
	WEG5004KH Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A Switch E (4 ways) Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	350.000
	WEG5401-7H Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	117.000
	WEG3032RH Đèn báo màu đỏ, 220VAC Pilot lamp red Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	160.000
	WEG3020H Nút trống Blank chip Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	17.200
	WEG3020SW Nút trống Blank chip Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	12.300
	WEG3023SW Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/ 16mm Telephone wire chip đĩa 9mm/ 16mm Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	12.300





	WEV1081SW/ WEV1081-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	45.800
	WEV1181SW/ WEV1181-7SW (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	76.000
	WEV1582SW/ WEV1582-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	111.000
	WEI1171SW- VN Xuất xứ Ấn Độ	115.000
	WEV117107SW NEW Xuất xứ Việt Nam Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	123.000
	WEV157207SW Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	161.000
	WEV2501SW Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	96.000
	WEV2364SW Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	96.000
	WEV2488SW - CAT5E	208.000
	WEV24886SW - CAT6 Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6 Data modular CAT5E/ Data modular CAT6 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	249.000
	WEG2021SW Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	830.000
	WEF108107- VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2,4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	664.000
	WEF412417W- VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	963.000
	WEF11821W Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	787.000
	WEF14821W- VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.113.000
	WEG575151SW Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	418.500
	WEG57912SW Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	830.000
	WEF5791501SW- VN Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.466.000
	WEV1081H/WEV1081-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	56.000
	WEV1181H/WEV1181-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	103.000
	WEV1582H/WEV1582-7H (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	150.000
	WEI1171H- VN Xuất xứ Ấn Độ	160.000
	WEV117107H NEW Xuất xứ Việt Nam Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	172.000
	WEV157207H Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	236.000
	WEV2501H Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	143.500
	WEV2364H Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	143.500
	WEV2488H - CAT5E	248.500
	WEV24886H - CAT6 Ổ cắm data Data modular Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	300.000
	WEG2021H Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	994.000
	WEF108107H- VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2,4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	776.000
	WEF412417H- VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.118.000
	WEF11821H Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	910.000
	WEF14821H- VN Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	1.284.000
	WEG575151H Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	640.000
	WEG57912H Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	946.000
	WEF5791501H- VN Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	1.636.000



	WEG1001SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A Flat pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.500
	WEG1090SW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A round pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.500
	WEV68010SW Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV68020SW Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV68030SW Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV68040SW Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	38.000
	WEV68060SW Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	38.000
	WEV138307SW Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A, Bắt vít Triple universal WIDE receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	140.000
	WEV1091SW Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.500
	WEV7001SW Mặt dùng cho CB 1 tép 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV680290SW Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV7061SW Mặt dùng cho HB Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV68910SW Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	20.000
	WEV68920SW Mặt kín đôi Double cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	38.000

MẶT CÓ NẮP CHE

	WEG7901K-VN - Màu beige WEG7901SWK-VN - Màu trắng WEG7901HK-VN - Màu xám Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55 Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	266.500
	WEG7902K-VN - Màu beige WEG7902SWK-VN - Màu trắng WEG7902HK-VN - Màu xám Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55 Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	266.500
	WEG7903K-VN - Màu beige WEG7903SWK-VN - Màu trắng WEG7903HK-VN - Màu xám Mặt 3 thiết bị - Có nắp che mưa Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55 Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	266.500
	WEG8981K-VN Mặt có nắp che mưa Cần lắp cùng mặt nạ Weatherproof plate - IP55 Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	256.000
	WEG79029K-VN - Màu beige WEG79029SWK-VN - Màu trắng WEG79029HK-VN - Màu xám Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55 Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	266.500
	WEG8973SW-VN Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị, không cần lắp mặt nạ Weatherproof plate with soft cover window, 1 gang - 3 Device Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	372.500
	WEG8973LH-VN Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị, không cần lắp mặt nạ Weatherproof plate with soft cover window, 1 gang - 3 Device Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	389.500

MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP

	WEG6501-1 Dùng cho 1 thiết bị 1 device metal plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEG6502-1 Dùng cho 2 thiết bị 2 devices metal plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEG6503-1 Dùng cho 3 thiết bị 3 devices metal plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEG65029-1 Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68010MW	33.300	WEV68010MB	33.300	WEV68010MH	33.300
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68020MW	33.300	WEV68020MB	33.300	WEV68020MH	33.300
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68030MW	33.300	WEV68030MB	33.300	WEV68030MH	33.300
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68040MW	55.700	WEV68040MB	55.700	WEV68040MH	55.700
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68060MW	55.700	WEV68060MB	55.700	WEV68060MH	55.700
	Mặt dùng cho HB Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV7061MW	33.300	WEV7061MB	33.300	WEV7061MH	33.300
	Mặt dùng cho CB 1 tiếp 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV7001MW	33.300	WEV7001MB	33.300	WEV7001MH	33.300
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV680290MW	33.300	WEV680290MB	33.300	WEV680290MH	33.300
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV68910MW	33.300	WEV68910MB	33.300	WEV68910MH	33.300

Refina MÀU

	WEG55317MB Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	50.500		WEG55327MB Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 2 ways Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEG55317MW Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	50.500		WEG55327MW Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000
	WEG55317MH Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	50.500		WEG55327MH Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.000

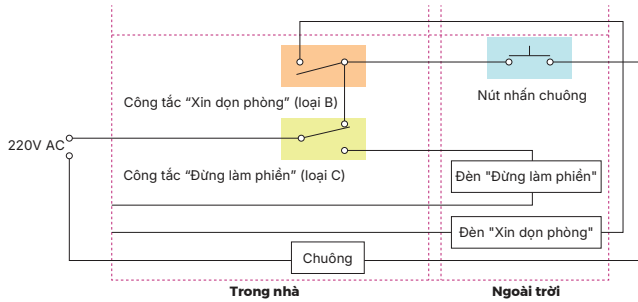
Refina TRẮNG

	WEV5531SW/ WEV5531-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	40.300		WEV5532SW/ WEV5532-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	74.000
	WEV5521SW/ WEV5521-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	40.300		WEV5522SW/ WEV5522-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	74.000
	WEV5511SW/ WEV5511-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	40.300		WEV5512SW/ WEV5512-7SW (Cắm nhanh/ Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	74.000
	WEC5542-7SW Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung 250VAC - 10A, Switch C - 2 ways Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	166.000		WEV5533-7SW (Bắt vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles) Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	321.000



CHUYÊN DÙNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES

Sơ đồ mạch điện dành cho đèn báo "Xin dọn phòng" - "Đừng làm phiền"



	WEG5001K-031 Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A Switch B "Make Up Room" Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	34.500
	WEG5002K-021 Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A Switch C "Do not disturb" Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	60.000
	WSBC9120SW-VN Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu Shaver socket build switch In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	1.659.000
	WNB5428690FK Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A Dùng cho bếp điện tử, máy nước nóng BS Glow switch D double pole Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	517.000
	WEB11119SW-VN Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A Receptacle - BS standard Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	135.000
	WEB7811SW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	25.500
	WEB7812SW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu BS type - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	25.500
	WEB7813SW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	25.500
	WEB7811MW Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7812MW Mặt vuông dành cho 2 thiết bị BS type - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7813MW Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000

	WEG3032G-031 Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A "Make Up Room" pilot lamp Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	188.000
	WEG3032R-021 Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A "Do not disturb" pilot lamp Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	188.000
	WBC8981SW Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS dùng cho công tắc, ổ cắm Cần lắp cùng mặt nạ Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	239.000
	WBC8991W Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS dùng cho công tắc ổ cắm Cần lắp cùng mặt nạ Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	257.000
	WBG8981-P Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS Weatherproof plate (BS type plate), IP55 Cần lắp cùng mặt nạ Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng	251.500
	WEBP1041B-MH Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A 1 gang multiple socket (BS type plate) Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	262.000
	WEB7811MH Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7812MH Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu BS type - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7813MH Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7811MB Mặt vuông dành cho 1 thiết bị BS type - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7812MB Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu BS type - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000
	WEB7813MB Mặt vuông dành cho 3 thiết bị BS type - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	46.000



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	(Cắm nhanh - bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	26.800	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	43.600	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh - bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	26.800	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	43.600	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	26.800	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	43.600	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	43.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	141.500	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	189.500	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	189.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	166.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	233.500	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	233.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	54.600	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	78.500	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	78.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	54.600	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	78.500	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	78.500
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	54.600	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	78.500	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	78.500
	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	107.000	WEVH554127MYZ	161.000	WEVH554127MYH	161.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 250VAC - 10A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	177.000	WEVH5542-7MYZ	268.000	WEVH5542-7MYH	268.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	300.000	WEVH5033-7MYZ	412.000	WEVH5033-7MYH	412.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	82.500	WEVH5401-011MYZ	139.500	WEVH5401-011MYH	139.500
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng Acrylic	WEGH6801CW-VN	245.000	WEGH6801CYZ-VN	273.000	WEGH6801CYH-VN	273.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng Acrylic	WEGH6802CW-VN	245.000	WEGH6802CYZ-VN	273.000	WEGH6802CYH-VN	273.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng Acrylic	WEGH6803CW-VN	245.000	WEGH6803CYZ-VN	273.000	WEGH6803CYH-VN	273.000
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng Acrylic	WEGH68029CW-VN	245.000	WEGH68029CYZ-VN	273.000	WEGH68029CYH-VN	273.000

*Để lắp 2 mặt acrylic gần nhau, khoảng cách cạnh trên 2 đế âm đơn là 1cm

*Giá bán đã bao gồm VAT



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	22.500	WEVH68010MYZ	43.600	WEVH68010MYH	43.600
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	22.500	WEVH68020MYZ	43.600	WEVH68020MYH	43.600
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	22.500	WEVH68030MYZ	43.600	WEVH68030MYH	43.600
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	40.500	WEVH68040MYZ	87.000	WEVH68040MYH	87.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	40.500	WEVH68060MYZ	87.000	WEVH68060MYH	87.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	22.500	WEVH8061MYZ	43.600	WEVH8061MYH	43.600
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	22.500	WEVH68910MYZ	43.600	WEVH68910MYH	43.600
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	22.500	WEVH680290MYZ	43.600	WEVH680290MYH	43.600
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	45.800	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	80.500	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	80.500
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	76.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	139.500	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	139.500
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	111.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	195.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	195.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEI1171SW-VN Ấn Độ	115.000	WEV1171MYZ	210.000	WEV1171MYH	210.000
		WEV117107SW VN	123.000	WEV117107MYZ VN	225.000	WEV117107MYH VN	225.000
	Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV157207SW NEW	161.000	WEV157207MYZ NEW	278.500	WEV157207MYH NEW	278.500
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng, bắt vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF108107-VN	664.000	WEF108107MYZ-VN	942.000	WEF108107MYH-VN	942.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bắt vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF412417W-VN	963.000	WEF412417MYZ-VN	1.391.000	WEF412417MYH-VN	1.391.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF11821W	787.000	WEF11821MYZ-VN	1.091.000	WEF11821MYH-VN	1.091.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A - C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEF14821W-VN	1.113.000	WEF14821MYZ-VN	1.605.000	WEF14821MYH-VN	1.605.000
	Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	96.000	WEV2501MYZ	150.000	WEV2501MYH	150.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2364SW	96.000	WEV2364MYZ	150.000	WEV2364MYH	150.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E	208.000	WEV2488MYZ - CAT5E	311.500	WEV2488MYH - CAT5E	311.500
		WEV24886SW - CAT6	249.000	WEV24886MYZ - CAT6	456.000	WEV24886MYH - CAT6	456.000



	WNV5001-7W Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	14.700
	WNG5051W-751 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch B Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	124.000
	WN5241W-801 Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	460.000
	WNG5021W-7 Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	149.500
	WNV5002-7W Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	39.500
	WNG5052W-751 Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	141.000
	WNG5343W-761 Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	207.000
	WBG5414699W Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	207.000
	WBG5414699W-SP Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	207.000
	WNG5401W-7K Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	65.500
	WNG5004W-7 Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	221.000
	WSG3001 Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	48.500
	WN3023W Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	11.600
	WZV7841W Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.100
	WZV7842W Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.100
	WZV7843W Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.100
	WNV1081-7W Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	34.000
	WNV1091-7W Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	29.500
	WN10907KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	38.000
	WN1001-7KW Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	35.000
	WN11017W Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	65.500
	WNV138307W Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A Triple universal FULL receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	73.500
	WNG159237W Ổ cắm có dây nối đất, không màn che, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	89.500
	WKG1092250 Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	61.000
	WZV1201W Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	71.500
	WNTG15649W Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	101.000
	NRV3160W Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	192.000
	WN3020W Nút trống Blank chip Đóng gói: 20 cái/hộp, 200 cái/thùng	11.600
	WN7601-8 Mặt 1 kim loại WN7602-8 Mặt 2 kim loại WN7603-8 Mặt 3 kim loại Stainless steel plate	103.000
	WZV7061W Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	18.100
	WZV7844W Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	36.000
	WZV7846W Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	36.000



HÌNH ANH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	86.600	WMF501MYZ-VN	121.000	WMF501MYH-VN	121.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	94.500	WMF511MYZ-1VN	131.000	WMF511MYH-1VN	131.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	112.500	WMF502MYZ-VN	158.000	WMF502MYH-VN	158.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	121.000	WMF512MYZ-1VN	168.000	WMF512MYH-1VN	168.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	204.000	WMFV503307MYZ	287.000	WMFV503307MYH	287.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	263.000	WMF594MYZ-VN	369.000	WMF594MYH-VN	369.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	124.500	WMF503MYZ-VN	175.000	WMF503MYH-VN	175.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	136.000	WMF513MYZ-1VN	190.000	WMF513MYH-1VN	190.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	148.000	WMF504MYZ-VN	204.000	WMF504MYH-VN	204.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	160.000	WMF514MYZ-1VN	222.000	WMF514MYH-1VN	222.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	414.000	WMF596MYZ-VN	577.000	WMF596MYH-VN	577.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	168.000	WMF505MYZ-VN	238.000	WMF505MYH-VN	238.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	184.000	WMF515MYZ-1VN	254.000	WMF515MYH-1VN	254.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	190.000	WMF506MYZ-VN	263.000	WMF506MYH-VN	263.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	202.000	WMF516MYZ-1VN	284.000	WMF516MYH-1VN	284.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	249.000	WMF507MYZ-VN	346.000	WMF507MYH-VN	346.000



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	267.000	WMF517MYZ-1VN	373.000	WMF517MYH-1VN	373.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	279.000	WMF508MYZ-VN	388.000	WMF508MYH-VN	388.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	299.000	WMF518MYZ-1VN	420.000	WMF518MYH-1VN	420.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	53.500	WMFV7811MYZ	74.000	WMFV7811MYH	74.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	53.500	WMFV7812MYZ	74.000	WMFV7812MYH	74.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	53.500	WMFV7813MYZ	74.000	WMFV7813MYH	74.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	53.500	WMF6891MYZ-VN	74.000	WMF6891MYH-VN	74.000
	Công tắc thẻ - Không có đèn báo (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	855.000	WMF535MYZ-VN	911.000	WMF535MYH-VN	911.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	263.000	WMF984MYZ-VN	366.000	WMF984MYH-VN	366.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.229.000	WMF936MYZ-VN	1.278.000	WMF936MYH-VN	1.278.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	118.000	WMF223MYZ-VN	166.000	WMF223MYH-VN	166.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	118.000	WMF224MYZ-VN	166.000	WMF224MYH-VN	166.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	154.500	WMF533MYZ-VN	213.000	WMF533MYH-VN	213.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.342.000	WMF132MYZ-VN	1.407.000	WMF132MYH-VN	1.407.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	150.000	WMF301MYZ-VN	213.000	WMF301MYH-VN	213.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	163.000	WMF311MYZ-VN	227.000	WMF311MYH-VN	227.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	160.000	WMF403MYZ-VN	207.000	WMF403MYH-VN	207.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	305.000	WMF421MYZ-VN	428.000	WMF421MYH-VN	428.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	482.000	WMF422MYZ-VN	671.000	WMF422MYH-VN	671.000



TỔNG QUAN THIẾT KẾ
Tạo sự đồng bộ hài hòa đẹp mắt với không gian của ngôi nhà.



GÓC ĐÀO CHIỀU BẬT/TẮT NHỎ
Công tắc thanh mảnh thích nghi với toàn bộ ngôi nhà.



BỀ MẶT MUỘT MÀ
Chất liệu cải tiến bóng mịn mượt mà.



MẶT TIẾP XÚC LỚN KHÔNG VIÊN
Tối đa hóa không gian vận hành nhờ loại bỏ sự gò bó của khung viền. Tạo cảm giác vận hành hoàn hảo.



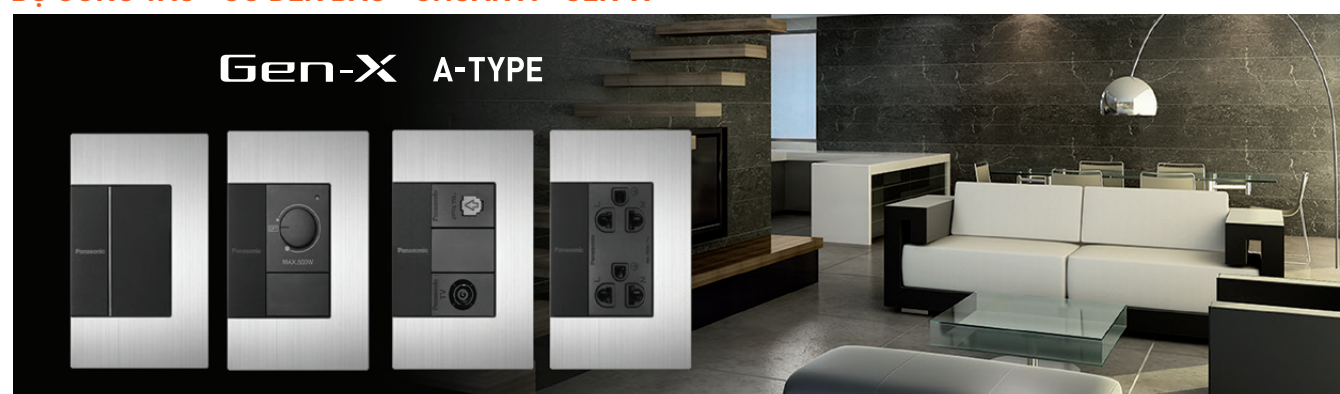
HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	122.000	WMT501MYZ-VN	135.000	WMT501MYH-VN	135.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	150.000	WMT502MYZ-VN	163.000	WMT502MYH-VN	163.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	428.000	WMT594MYZ-VN	463.000	WMT594MYH-VN	463.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	195.000	WMT503MYZ-VN	205.000	WMT503MYH-VN	205.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	233.000	WMT504MYZ-VN	244.000	WMT504MYH-VN	244.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	817.000	WMT596MYZ-VN	887.000	WMT596MYH-VN	887.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	261.000	WMT505MYZ-VN	286.000	WMT505MYH-VN	286.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	279.000	WMT506MYZ-VN	303.000	WMT506MYH-VN	303.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	428.000	WMT507MYZ-VN	463.000	WMT507MYH-VN	463.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	512.000	WMT508MYZ-VN	548.000	WMT508MYH-VN	548.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	490.000	WMTV503307MYZ	546.000	WMTV503307MYH	546.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	76.000	WMT7811MYZ-VN	100.000	WMT7811MYH-VN	100.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	76.000	WMT7812MYZ-VN	100.000	WMT7812MYH-VN	100.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	76.000	WMT7813MYZ-VN	100.000	WMT7813MYH-VN	100.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	76.000	WMT6891MYZ-VN	100.000	WMT6891MYH-VN	100.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMT421-VN	321.000	WMT421MYZ-VN	460.000	WMT421MYH-VN	460.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMT422-VN	589.000	WMT422MYZ-VN	728.000	WMT422MYH-VN	728.000
	Ổ Cắm Data Cat6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 modular jack	WMT431-VN	439.000	WMT431MYZ-VN	471.000	WMT431MYH-VN	471.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 2 devices modular jack	WMT432-VN	674.000	WMT432MYZ-VN	813.000	WMT432MYH-VN	813.000



MINERVA

HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/ hộp, 5 cái/ thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN	2.735.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.954.000	WMT707MYH-VN	2.954.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	188.000	WMT540108MYZ-VN	233.000	WMT540108MYH-VN	233.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	2.026.000	WEC5781MYZ-VN	2.137.000	WEC5781MYH-VN	2.137.000

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A - GEN-X



	WTEGP51552S-1-G Bộ 1 công tắc có đèn báo Illuminated switch C - 2 ways 1 - device with plate 899.000		WTEGP52562S-1-G Bộ 2 công tắc có đèn báo Illuminated switch C - 2 ways 2 - devices with plate 1.541.000		WTEGP53572S-1-G Bộ 3 công tắc có đèn báo Illuminated switch C - 2 ways 3 - devices with plate 2.301.000
	WTEGP54562S-1-G Bộ 4 công tắc có đèn báo Illuminated switch C - 2 ways 4 - devices with plate 3.092.000		WTEGP55582S-1-G Bộ 5 công tắc có đèn báo Illuminated switch C - 2 ways 5 - device with plate 3.820.000		WTEGP56572S-1-G Bộ 6 công tắc có đèn báo Illuminated switch C - 2 ways 6 - devices with plate 4.601.000

*Bộ 4-5-6 công tắc lắp với đế âm NA102

BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS

	WTFBP51552S-1-G Bộ 1 công tắc có đèn báo BS type - Illuminated switch C 2 ways, 1 device with plate 754.000		WTFBP52562S-1-G WTFBP52562S-SP (lắp ngang) Bộ 2 công tắc có đèn báo BS type - Illuminated switch C 2 ways, 2 devices with plate 1.316.000		WTFBP53572S-1-G WTFBP53572S-SP - lắp ngang Bộ 3 công tắc có đèn báo BS type - Illuminated switch C 2 ways, 3 devices with plate 1.969.000
--	---	--	---	--	---

MẶT ĐẶT

	WTEG6503S-1-G Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A 1 - gang, 3 - devices 551.000
	WTFB6503S-1-G WTFB6503S-G Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS 1 gang, 3 devices plate 471.000

PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X

	WEV2364B Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack (6P4C) 139.000		WEV2488B Ổ cắm data CAT5 - Modular jack 295.000
	WEG57816B-1-G Bộ điều chỉnh sáng tối 500W, 220V Dimmer switch 220VAC, 500W 706.000		WEG24886B-G Ổ cắm data CAT6 - Modular jack 305.000
	WEG15829B-G Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây 16A - 250V Grounding duplex universal receptacle With safety shutter 16A - 250V 155.000		WEV2501B Ổ cắm TV DIN type television terminal 139.000
			WEG3020B-G Nút trống Blank chip 19.500



Ổ CẮM CÓ DÂY



WCHG2836
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m
Extension cord 6 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng

979.000



WCHG28334
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng

1.289.000



WCHG28352
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m
Extension cord 5 sockets, 3m
250VAC - 3500W
Đóng gói: 5 cái/thùng

1.065.000



WCHG243322W-VN
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2,1A, 3m
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói: 10 cái/thùng

954.000



WCHG24332W
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m
Extension cord 3 sockets, 3m
250VAC - 2300W
Đóng gói: 10 cái/thùng

540.400

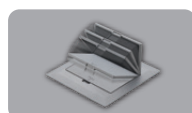
Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



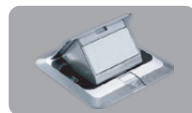
DUF1200LTK-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.269.000



DUFS1200LTH-1
Chất liệu: Kim loại
Tự động đóng khi không sử dụng
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (46 x 102 x 102mm)
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.547.000



DU5900VTK (Kết hợp được với ổ đa năng WE1171)
Chất liệu: Kim loại
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (69 x 119 x 119mm)
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.402.000

Loại lắp 6 thiết bị



DUMF3200LT-1
Chất liệu: Kim loại
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 120 x 120mm)
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

2.092.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐỂ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



DU81931HTK-1
DU81931HT9-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Grounding duplex universal receptacle

939.000

1.005.000



DU8199HTK-1
DU8199HT9-1
Chất liệu: Nhựa tổng hợp
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

868.000

929.000

(*) Lưu ý: Không lau chùi sàn phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BẢO CHÁY



Xuất xứ Đài Loan

WTKF24816-VN
Sensor chính - Loại âm trần
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ
Độ cao trần 3,5m - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Vận hành lên đến 120.000 lần

8A - 220V

2.048.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2411-P
Sensor chính - Loại âm trần
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1.000lux
Độ cao trần 3,0m

1.758.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF2311
WTKF23113-VN
Tự động bật sáng khi có người và trời tối
220 - 240VAC 3A
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Độ cao trần 3,5m

2.777.000

2.971.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF2911-VN
Sensor phụ - Loại âm trần
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN
Không kết nối với đèn
Độ cao trần 3,0m

1.052.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF339107-VN
Cảm biến gắn trần cao - chiều cao lắp đặt lên đến 12,7m
8A 220V-240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

3.360.000



Xuất xứ Thái Lan

WTKG2310-P
Tự động bật sáng khi có người
220 - 240VAC 3A
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W
Loại âm trần, độ cao trần 3,0m
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

1.380.000



Xuất xứ Đài Loan

WTKF337107-VN
Cảm biến góc rộng, gấp đôi vùng cảm biến (lên tới 13,3m)
8A 220V - 240V
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W
Loại gắn nổi, độ cao trần 4,2m
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

3.450.000



Xuất xứ Nhật Bản

SH2845591
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật
Loại gắn nổi

1.030.000



MCB CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN BẢO VỆ QUÁ TẢI & NGẮN MẠCH

	Mã sản phẩm Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)
MCB 1P-1E C Curve 06kA 	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	99.000
	BBD1101CNV	10		
	BBD1161CNV	16		
	BBD1201CNV	20		
	BBD1251CNV	25		
	BBD1321CNV	32		
	BBD1401CNV	40		
	BBD1501CNV	50	240VAC/ 415VAC 06kA	233.000
	BBD1631CNV	63		
MCB 2P-2E C Curve 06kA 	BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA	284.000
	BBD2102CNV	10		
	BBD2162CNV	16		
	BBD2202CNV	20		
	BBD2252CNV	25		
	BBD2322CNV	32		
	BBD2402CNV	40		
	BBD2502CNV	50	240VAC/ 415VAC 06kA	469.000
	BBD2632CNV	63		
MCB 3P-3E C Curve 06kA 	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA	502.000
	BBD3103CNV	10		
	BBD3163CNV	16		
	BBD3203CNV	20		
	BBD3253CNV	25		
	BBD3323CNV	32		
	BBD3403CNV	40		
	BBD3503CNV	50	415VAC 06kA	751.000
	BBD3633CNV	63		
MCB 4P-4E C Curve 06kA 	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA	709.000
	BBD4204CNV	20		
	BBD4254CNV	25		
	BBD4324CNV	32		
	BBD4404CNV	40		
	BBD4504CNV	50	415VAC 06kA	1.056.000
	BBD4634CNV	63		

Đóng gói:
12 cái/hộp
48 cái/thùng

Đóng gói:
6 cái/hộp
24 cái/thùng

Đóng gói:
4 cái/hộp
16 cái/thùng

Đóng gói:
3 cái/hộp
12 cái/thùng

	Mã sản phẩm Code	I _n (A)	I _{cu} (kA)	Giá lẻ (Cái)
MCB 1P-1E C Curve 10kA 	BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA	150.000
	BBD1101CHHV	10		
	BBD1161CHHV	16		
	BBD1201CHHV	20		
	BBD1251CHHV	25		
	BBD1321CHHV	32		
	BBD1401CHHV	40		
	BBD1501CHHV	50	240VAC/ 415VAC 10kA	177.000
	BBD1631CHHV	63		345.000
Đóng gói: 12 cái/hộp 200 cái/thùng	BBD10801CHV	80		857.000
Đóng gói: 8 cái/hộp	BBD11001CHV	100	240VAC 10kA	935.000
MCB 2P-2E C Curve 10kA 	BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA	435.000
	BBD2102CHHV	10		
	BBD2162CHHV	16		
	BBD2202CHHV	20		
	BBD2252CHHV	25		
	BBD2322CHHV	32		
	BBD2402CHHV	40		
	BBD2502CHHV	50	415VAC 10kA	506.000
	BBD2632CHHV	63		706.000
Đóng gói: 6 cái/hộp 60 cái/thùng	BBD20802CHV	80	415VAC 10kA	1.697.000
Đóng gói: 4 cái/hộp	BBD21002CHV	100		1.869.000
MCB 3P-3E C Curve 10kA 	BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA	757.000
	BBD3103CHHV	10		
	BBD3163CHHV	16		
	BBD3203CHHV	20		
	BBD3253CHHV	25		
	BBD3323CHHV	32		
	BBD3403CHHV	40		
	BBD3503CHHV	50	415VAC 10kA	1.135.000
	BBD3633CHHV	63		
Đóng gói: 4 cái/hộp 40 cái/thùng	BBD30803CHV	80	415VAC 10kA	2.271.000
Đóng gói: 2 cái/hộp	BBD31003CHV	100		2.393.000
MCB 4P-4E C Curve 10kA 	BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA	1.068.000
	BBD4104CHHV	10		
	BBD4164CHHV	16		
	BBD4204CHHV	20		
	BBD4254CHHV	25		
	BBD4324CHHV	32		
	BBD4404CHHV	40		
	BBD4504CHHV	50	415VAC 10kA	1.614.000
	BBD4634CHHV	63		
Đóng gói: 3 cái/hộp 30 cái/thùng	BBD40804CHV	80	415VAC 10kA	3.505.000
Đóng gói: 2 cái/hộp	BBD41004CHV	100		3.739.000

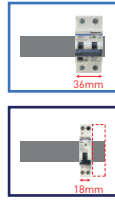


RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ



**Gọn hơn
Tối ưu hơn**

* Hai cấp độ bảo vệ:
Bật: màu đỏ (cấp điện)
Tắt: màu xanh (ngắt điện)



RCBO Compact 2P1E



12 cái/ hộp
48 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
BBPE21631CNV	16			
BBPE22031CNV	20			
BBPE22531CNV	25	32	240VAC 06kA	770.000
BBPE23231CNV	32			

RCBO 2P1E



6 cái/ hộp
24 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	672.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25	32	240VAC 06kA	720.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40	63	240VAC 06kA	1.021.000
BBDE25031CNV	50			
BBDE26331CNV	63			

RCBO 4P4E



4 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	I_{cu} (kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.692.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50	63	415VAC 06kA	2.225.000
BBDE46334CNV	63			

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ

RCCB 2P



4 cái/ hộp
40 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDW22530V	25	30mA-2P	1.091.000
BBDW23230V	32		
BBDW24030V	40		
BBDW26330V	63		1.310.000

RCCB 4P



2 cái/ hộp
20 cái/ thùng

Mã sản phẩm	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDW42530V	25	30mA-4P	1.747.000
BBDW43230V	32		
BBDW44030V	40		
BBDW46330V	63		2.621.000

RCCB 2P



Mã sản phẩm	I_n (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
BBDR23230HV	32		
BBDR24030HV	40		
BBDR26330HV	63	30mA-2P	1.310.000
BBDR42530HV	25		1.747.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications		Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	
	BS11106TV	6	1	91.000
	BS1110TV	10	1,5	
	BS1111TV	15	1,5	
	BS1112TV	20	1,5	
	BS1113TV	30	1,5	
	BS1114TV	40	1,5	

1 cái/ hộp
50 cái/ thùng

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BJS1532S1V	15	1,5	30	536.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
	BJJ23022-8	30	1,5	15	972.000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ELB EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I_n (A)	Dòng cắt danh định I_{cu} (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BJS3220NA2K	32	2,5	15	396.000
	BJS3230NA2K			30	
	BJS3020NA2	30	1,5	15	383.000
	BJJ23030-8		2,5	30	827.000

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

SPD	Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
	Điện áp định mức (U_n)	230V
	Điện áp làm việc lớn nhất (U_c)	320V (50/60Hz)
	Dòng xả xung sét (8/20μs) (I_n)	20 kA
	Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (I_{max})	40 kA
	Cấp bảo vệ điện áp (U_p)	≤ 1,5 kV
	Thời gian phản hồi (t_A)	≤ 25 ns
	Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
Đóng gói 50 cái/thùng	* Thay thế SPD khi phần hiển thị màu xanh chuyển sang đỏ	3.360.000

KHOẢNG ĐỘNG TỪ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN $U_c = AC 240V$

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1

Mã sản phẩm Code	Loại	I_n (A)	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17,8 x 82 x 60	1.049.000
BMD2025204ACV		25		1.498.000
BMD2040204ACV		40		
BMD2063204ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	63	35,4 x 82 x 60	2.707.000
BMD4025404ACV		25	35,4 x 82 x 60	1.102.000
BMD4040404ACV		40	54,0 x 82 x 60	1.990.000
BMD4063404ACV		63	54,0 x 82 x 60	3.146.000

* I_n (A) Tham chiếu cho thiết bị tải AC-7a



MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

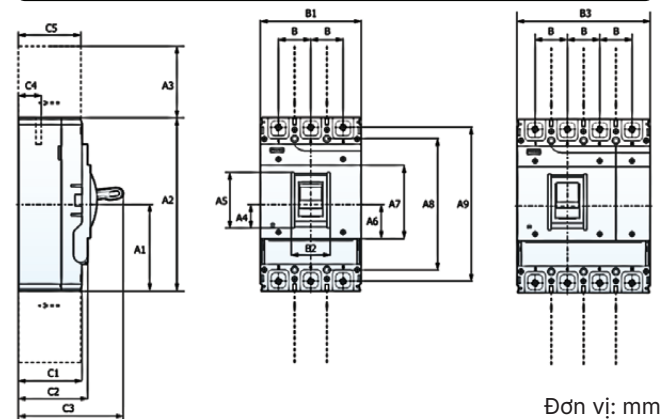
SF Series								
		Thông số kĩ thuật - Specifications						
Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I _n (A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I _{cu} (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)		
	BBSF2210CTCV	10	100AF	240 VAC 20kA	2P-2E			
	BBSF2216CTCV	16						
	BBSF2220CTCV	20						
	BBSF2225CTCV	25						
	BBSF2232CTCV	32				950.000		
	BBSF2240CTCV	40						
	BBSF2250CTCV	50						
	BBSF2263CTCV	63						
	BBSF2280CTCV	80						
	BBSF22100CTCV	100					1.100.000	
	BBSF3310CFCV	10	160AF	35kA	3P-3E			
	BBSF3316CFCV	16						
	BBSF3320CFCV	20						
	BBSF3325CFCV	25						
	BBSF3332CFCV	32						
	BBSF3340CFCV	40						
	BBSF3350CFCV	50						
	BBSF3363CFCV	63						
	BBSF33100CFCV	100					1.785.000	
		BBSF34160CFCV				160	250AF	50kA
BBSF34200CFCV		200						
BBSF34250CFCV		250						
	NEW BBSF35315CMCV	315	400AF	50kA	4P-4E			
	BBSF35350CMCV	350						
	BBSF35400CMCV	400	630AF					
	BBSF36500CMCV	500						
	BBSF36630CMCV	630						
	BBSF37700CMCV	700	800AF					
	BBSF37800CMCV	800						
	NEW BBSF45315CMCV	315	400AF			50kA	4P-4E	
	BBSF45350CMCV	350						
	BBSF45400CMCV	400						
	BBSF46500CMCV	500	630AF					
	BBSF46630CMCV	630						
	BBSF47700CMCV	700	800AF					
	BBSF47800CMCV	800						

YH/ MH Series					
		Thông số kĩ thuật - Specifications			
Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I _n (A)	Dòng cắt danh định I _{cu} (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBC31502YHVS	150	25kA	3P	3.970.000
	BBC32001YHVS	200			3.970.000
	BBC3250YHVS	250			4.040.000
Xuất xứ Nhật Bản ***MCCB gắn kèm cuộn cắt					
	BBC3600YHV	600	36kA	3P	24.100.000
	BBC3630YHV	630			
	BBC3800YHV	800			49.300.000
Xuất xứ Nhật Bản					
	BBC35350CMHV	350	50kA	3P	7.310.000
	BBC35400CMHV	400			
	BBC36630GMHV	630			12.770.000
	BBC37700GMHV	700			14.950.000
	BBC37800GMHV	800			
Xuất xứ P.R.C					

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

	BBW240SKY	40	220VAC 2,5kA	2P	925.000
	BBW260Y	60			990.000
	BBW310Y	10	1,5kA	3P	725.000
	BBW315Y	15			
	BBW320Y	20			
	BBW330Y	30			

Kích thước MCCB SF Series



Model	Kiểu ngắt mạch/ Breaking type	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9
SF-160	F type	65	130	50	21	30	29,5	54,5	111	116
SF-250	F type	82,5	165	80	21	47,5	28,5	62	143	144
SF-400	M type	128,5	257	106	35	82,5	51	109	194	228
SF-630	M type	128,5	257	106	35	82,5	51	109	194	228
SF-800	M type	137,5	275	110	38	82	51	102	243	243

Model	Kiểu ngắt mạch/ Breaking type	B1	B2	B2	B3	C1	C2	C3	C4	C5
SF-160	F type	25	77	24.5	-	56.5	61.5	81.5	24.5	55
SF-250	F type	35	105	33	-	66	73	99.5	25.5	65
SF-400	M type	48	150	58	198	95	103.5	158	26.5	93
SF-630	M type	48	150	58	198	95	103.5	158	26.5	93
SF-800	M type	70	210	61.5	280	97	105	156.5	26	93



PHỤ KIỆN CHO DÒNG SF SERIES 3P - 3E/ 4P - 4E

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS160F10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị 3P3E có dòng định mức 10A đến 100A	470.000
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000
	BBS800Q20LV	Tiếp điểm phụ bảo trạng thái, bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q20RV	Tiếp điểm phụ bảo trạng thái, bên phải, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q08LV	Tiếp điểm phụ bảo tín hiệu, bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q10A7V	Cuộn cắt AC110V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D7V	Cuộn cắt DC110V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D8V	Cuộn cắt DC220V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q30A2V	Cuộn cắt thấp áp AC240V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	1.490.000

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS630QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 315A đến 630A	3.010.000
	BBS800QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 700A và 800A	3.370.000
	BBS630QA1V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 3P3E từ 315A đến 630A	740.000
	BBS630QA2V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 4P4E từ 315A đến 630A	960.000

Model	SF-160	SF-250
Breaking type	F type	F type
SHT		
Trạng thái cầu dao	UVT	SHT/AX/AL
SF-160	Trạng thái đang ngắt mạch	Bật
SF-250	Trạng thái đang ngắt mạch	

KHỞI ĐỘNG TỪ CÔNG NGHIỆP 3P

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC60947-4-1

* Số cực: 3P * Dòng định mức (A) AC-3: 6A - 95A * Ue: 400V AC - Ui: 690V AC

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức (A) AC-3	Tiếp điểm phụ	Giá lẻ (cái)
	BMS306104ACV	6	1 NO	540.000
	BMS306014ACV	6	1 NC	540.000
	BMS309104ACV	9	1 NO	560.000
	BMS309014ACV	9	1 NC	560.000
	BMS312104ACV	12	1 NO	582.000
	BMS312014ACV	12	1 NC	582.000
	BMS318104ACV	18	1 NO	650.000
	BMS318014ACV	18	1 NC	650.000
	BMS325104ACV	25	1 NO	910.000
	BMS325014ACV	25	1 NC	910.000
	BMS332104ACV	32	1 NO	1.670.000
	BMS332014ACV	32	1 NC	1.670.000
	BMS338104ACV	38	1 NO	1.940.000
	BMS338014ACV	38	1 NC	1.940.000
	BMS340114ACV	40	1 NO + 1 NC	2.180.000
	BMS350114ACV	50	1 NO + 1 NC	2.333.000
	BMS365114ACV	65	1 NO + 1 NC	3.060.000
	BMS380114ACV	80	1 NO + 1 NC	4.290.000
	BMS395114ACV	95	1 NO + 1 NC	4.580.000

RƠ LE NHIỆT

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC60947-4-1

Hình ảnh Images Xuất xứ P.R.C	Mã sản phẩm Code	Dài điều chỉnh (A)	Khởi động từ phù hợp có dòng định mức (A)	Tiếp điểm	Giá lẻ (cái)
	BTS301611CV	0,1~0,16A	6A đến 25A	1 NO + 1 NC	361.000
	BTS302511CV	0,16~0,25A			361.000
	BTS304011CV	0,25~0,4A			361.000
	BTS306311CV	0,4~0,63A			361.000
	BTS31011CV	0,63~1A			361.000
	BTS310611CV	1~1,6A			361.000
	BTS320511CV	1,6~2,5A			361.000
	BTS34011CV	2,5~4A			361.000
	BTS36011CV	4~6A			361.000
	BTS38011CV	5,5~8A			361.000
	BTS310011CV	7~10A	32A đến 38A	1 NO + 1 NC	361.000
	BTS313011CV	9~13A			361.000
	BTS318011CV	12~18A			361.000
	BTS325011CV	17~25A			361.000
	BTS332011CV	23~32A			550.000
	BTS338011CV	30~38A			550.000
	BTS340011CV	30~40A	40A đến 95A	1 NO + 1 NC	1.080.000
	BTS350011CV	37~50A			1.080.000
	BTS365011CV	48~65A			1.080.000
	BTS370011CV	55~70A			1.080.000
	BTS380011CV	63~80A			1.080.000
	BTS395011CV	80~95A			1.160.000



MÁY CẮT KHÔNG KHÍ ACB NEW

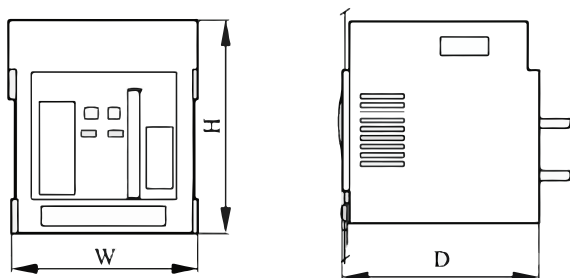
Tiêu chuẩn IEC60947-2

- ✓ Tiêu chuẩn IEC60947-2
- ✓ Loại cố định (Fixed Type)
- ✓ Ue: 400V AC - Ui: 1150V đến 1800V
- ✓ Ics = 100% Icu

- ✓ Đã bao gồm trip điện từ (ETU):
 - Bảo vệ LISG, cảnh báo quá tải, ghi nhớ nhiệt, ghi nhớ lỗi, đo dòng
 - Tích hợp AX, SHT, UVT và nhiều chức năng khác



ĐVT: mm



Khung dòng điện (AF)	H	W (3P)	W (4P)	D
2000AF	335	266	336	199
2500AF	393	422	537	290
4000AF	393	422	537	290

2000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 50kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I (A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3B08001MFCV	800	3P-3E	65.340.000
	BASF3B10001MFCV	1000		67.440.000
	BASF3B12501MFCV	1250		69.550.000
	BASF3B16001MFCV	1600		71.660.000
	BASF3B20001MFCV	2000		75.880.000
	BASF4B08001MFCV	800	4P-4E	87.260.000
	BASF4B10001MFCV	1000		89.790.000
	BASF4B12501MFCV	1250		92.740.000
	BASF4B16001MFCV	1600		95.690.000
	BASF4B20001MFCV	2000		101.170.000

2000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 66kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I (A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3B08001PFCV	800	3P-3E	69.550.000
	BASF3B10001PFCV	1000		69.550.000
	BASF3B12501PFCV	1250		71.660.000
	BASF3B16001PFCV	1600		75.880.000
	BASF3B20001PFCV	2000		84.310.000
	BASF4B08001PFCV	800	4P-4E	92.740.000
	BASF4B10001PFCV	1000		95.690.000
	BASF4B12501PFCV	1250		92.740.000
	BASF4B16001PFCV	1600		101.170.000
	BASF4B20001PFCV	2000		112.550.000

2500 AF - Dòng cắt danh định Icu = 85kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I (A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3C08001QFCV	800	3P-3E	86.410.000
	BASF3C10001QFCV	1000		88.520.000
	BASF3C12501QFCV	1250		92.740.000
	BASF3C16001QFCV	1600		96.950.000
	BASF3C20001QFCV	2000		105.380.000
	BASF3C25001QFCV	2500		113.810.000
	BASF4C08001QFCV	800	4P-4E	115.080.000
	BASF4C10001QFCV	1000		118.030.000
	BASF4C12501QFCV	1250		123.510.000
	BASF4C16001QFCV	1600		129.410.000
	BASF4C20001QFCV	2000		140.370.000
	BASF4C25001QFCV	2500		151.750.000

4000 AF - Dòng cắt danh định Icu = 100kA tại 400V AC

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Code	Dòng định mức I (A)	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BASF3D32001RFCV	3200	3P-3E	151.750.000
	BASF3D40001RFCV	4000		202.330.000
	BASF4D32001RFCV	3200	4P-4E	189.690.000
	BASF4D40001RFCV	4000		252.920.000

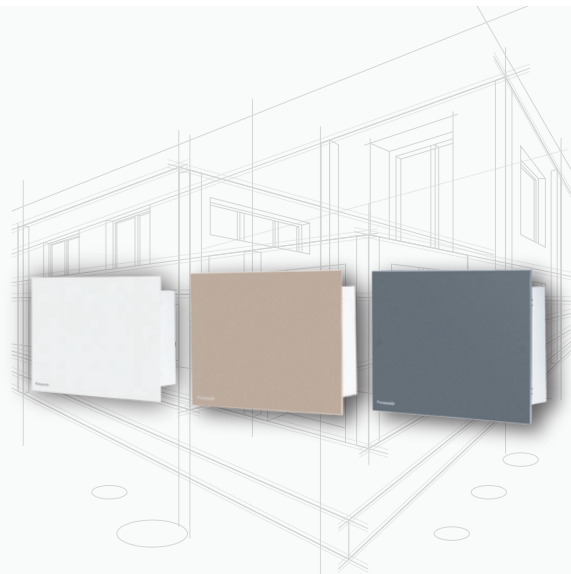


TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Moderva

Đặc điểm:

- Thiết kế tràn viền mang lại cảm giác thời thượng.
- Màu sắc trang nhã, hòa hợp cùng dòng sản phẩm Moderva hiện đại.
- Thiết kế cho phép mở từ 2 hướng.
- Tuân theo tiêu chuẩn IEC 60695-2-12, IEC60670-24, UL94V-0, RoHs.
- Cho khả năng chống vật rắn theo IP40.



Hình ảnh	Mã sản phẩm	Màu	Chất liệu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm)					Giá lẻ (cái)
						Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	
Moderva 	BQDF08W31AV	Trắng	- Đế sắt - Mặt che nhựa	8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	813.000
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim									1.091.000
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim									1.091.000
	BQDF12W31AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.027.000
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim									1.380.000
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim									1.380.000
	BQDF16W31AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.198.000
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim									1.594.000
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim									1.594.000
	BQDF24W11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.097.000
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim									2.814.000
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim									2.814.000
Level Art 	BQDX08T11AV	Trắng	- Đế sắt - Mặt che nhựa - màu trắng - Mặt che nhựa phủ kim loại - màu vàng	8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	1.380.000
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim									3.060.000
	BQDX12T11AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	1.509.000
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim									3.296.000
	BQDX16T11AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	1.712.000
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim									3.649.000
	BQDX24T11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	2.589.000
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim									5.596.000
	BQDX32T11AV	Trắng		32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	3.338.000
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim									6.773.000
	BQDX40T21AV	Trắng		40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	446 x 380 x 100	-	9	8	2	2	3.980.000
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim									8.057.000



CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

 Tự động quản lý Thời gian và điện năng hiệu quả hơn	TB178 	TB118 	TB35809NE5 	TB38809NE7 	TB4728KE7V 	
	Giá lẻ (cái)	696.000	1.124.000	840.000	1.295.000	1.969.000
	Loại/ Type	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
	Hẹn giờ/ Functions	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
	Chương trình Operation	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
	Công suất Consumption	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
	Pin dự trữ Battery	-	300 giờ TB380N2457V Giá lẻ: 224.000	-	300 giờ TB380N2457V Giá lẻ: 224.000	5 năm
Độ chia nhỏ nhất Min setting (mins)	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút	

PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP



WK2315K

125V - 15A - 2P + Ground

297.000

WK2320K

250V - 20A - 3P

313.000

WK2330

250V - 30A - 2P + Ground

867.000

Ổ cắm locking loại nổi, màu đen

Locking surface mounting receptacle black

WK2420K

250V - 20A - 3P + Ground

472.000

WK2430

250V - 30A - 3P + Ground

954.000

Ổ cắm locking loại nổi, màu đen

Locking surface mounting receptacle black

WF6315

125V - 15A - 2P + Ground

189.000

WF6320

250V - 20A - 3P

259.000

WF6330

250V - 30A - 2P + Ground

661.000

Phích cắm locking/ Locking Plug

WF6420

250V - 20A - 3P + Ground

299.000

WF6430

250V - 30A - 3P + Ground

840.000

Phích cắm locking/ Locking Plug

WF2315WK (Trắng)

125V - 15A - 2P + Ground

286.000

WF2320WK (Trắng)

250V - 20A - 3P

269.000

WF2330B (Đen)

250V - 30A - 2P + Ground

718.000

Lắp với WN9513

WF2420BK (Đen)

250V - 20A - 3P + Ground

469.000

WF2430B (Đen)

250V - 30A - 3P + Ground

887.000

WF2420WK (Trắng)

250V - 20A - 3P +Ground

438.000

Lắp với WN9514

WN1518R

Ổ cắm đôi có dây nối đất

Grounding flat pin receptacle 125V - 15A

370.000

WN37008

Đai kim loại - Metal-Frame

39.000

WK1330

Ổ cắm chuyên dùng

Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P

730.000

WF4330

Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P

977.000

WN9513/ WN9514

Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35,5/ 45,5mm

1 gang - 1 device aluminum plate 35,5 dia/ 45,5 dia

133.000

WN3040K-8

Trạm nối đất - Grounding - terminal

113.000

CÔNG TẮC THẺ

WNH5611-801

Công tắc thẻ (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 circuits)

Sử dụng với mặt WZV7843W

250V - 10A

1.810.000

PHÍCH CẮM MEIKOSHA

ME2592W

Phích cắm 3 chấu - Grounding plug 125V - 15A

Đóng gói: 10 cái/hộp

150.000

CHUÔNG ĐIỆN

	EGG331	Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A Bell push button Đóng gói: 20 cái/ thùng Kết nối được 02 chuông EBG888	136.000		EBG888	Chuông điện, 220V - 9,5W, 50Hz, 82dB Door chime Đóng gói: 10 cái/ thùng	233.000



DIMMER



NDF603FL/NDL603FL-Full
NDF603WL/NDL603WL-Wide
- Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn
- Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

63.500



NDL903FL-Full/NDL903WL-Wide
- Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn - 220VAC - 1000W
- Dimmer for incandescent lamp
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

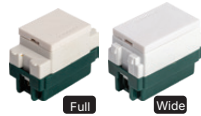
70.000

CẦU CHÌ



NF101WL - Wide
FF102W-Nano-Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

16.800



NF102FL - Full
NF102WL - Wide
- Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A
- Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

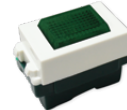
18.500

ĐÈN BẢO



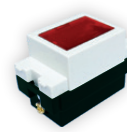
N302WF-Nanoco-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302WW-Nanoco-Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302WW-Nano-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu trắng
- Pilot lamp, white 220VAC

18.000



N302GF-Nanoco-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302GW / N302GWN - Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
FXF302GW-Nano-Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)
- Đèn báo màu xanh
- Pilot lamp, green 220VAC

18.000



N302RF / N302RFN / N302RFL - Full
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
N302RWN / N302RWL - Wide
(Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)
- Đèn báo LED màu đỏ
- Pilot lamp, red 220VAC

18.000

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN

* Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007



NP10250D / NP10250DM - đóng gói hộp
NP10250D1 / NP10250D1M - đóng gói dây
- Phích cắm đơn 10A - 250V
- Chân cắm bằng đồng Ø 4,0mm
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp;
200 cái/ thùng

7.500



NS10250A / NS10250AM - đóng gói hộp
NS10250A1 / NS10250A1M - đóng gói dây
- Ổ cắm đơn 10A - 250V
- Tiếp điểm bằng đồng
- Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 10 cái/hộp;
200 cái/ thùng

13.000

PHÍCH CẮM - Ổ CẮM SIÊU TÀI



20A 250V
MAX 5000W



NP20250DM **NEW**
- Phích cắm siêu chịu tải 20A 250V AC, max 5000W
- Chân cắm hợp kim đồng Ø 4,8mm
- Vỏ nhựa PC cao cấp chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đuôi nhựa PVC chống gãy gấp dây điện
- Đạt chuẩn QCVN25:2025/BKHCN
- Tiết diện dây khuyến nghị: 2 x 2,5 - 3,0mm²
- Đóng gói: 10 cái/dây, 100 cái/thùng

*** Dự kiến có hàng 11.2026

16.000



NS20250AM **NEW**
- Ổ cắm siêu chịu tải 20A 250V AC, max 5000W
- Tiếp điểm hợp kim đồng, có kẹp tiếp điểm trợ lực
- Vỏ nhựa PC cao cấp chống cháy, chịu va đập
- Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện
- Đuôi nhựa PVC chống gãy gấp dây điện
- Đạt chuẩn QCVN25:2025/BKHCN
- Tiết diện dây khuyến nghị: 2 x 2,5 - 3,0mm²
- Đóng gói: 10 cái/dây, 100 cái/thùng

*** Dự kiến có hàng 11.2026

19.000

ĐẠT CHUẨN
QCVN25:2025/BKHCN



VỎ NHỰA PC
CHỐNG CHÁY



ĐUÔI PVC
CHỐNG GẤP GỠ



CHÂN CẮM
HỢP KIM ĐỒNG



KẸP ĐỊNH VỊ
DÂY ĐIỆN



CHỊU VA ĐẬP

ĐUÔI ĐÈN E27



NAE2790WM1 - Màu trắng, kèm vít **11.000**
NAE2790W / NAE2790WM - Màu trắng **10.000**
NAE2790BK - Màu đen **10.000**
- Đui đèn E27 loại 90°
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE2727W / NAE2727WM - Màu trắng **10.000**
NAE2727BK / NAE2727BKM - Màu đen **10.000**
- Đui đèn E27 loại đi động
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2720W / NAE2720WM - Màu trắng **12.500**
NAE2720BK / NAE2720BKM - Màu đen **12.500**
- Đui đèn E27 loại đi động có dây dài 20cm
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



NAE2745WM1 - Màu trắng, kèm vít **11.000**
NAE2745W / NAE2745WM - Màu trắng **10.000**
NAE2745BK - Màu đen **10.000**
- Đui đèn E27 loại nghiêng 45°
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



NAE4590WM1 - Màu trắng, kèm vít **13.500**
NAE4590WM - Màu trắng **11.500**
- Đui đèn E27 xoay đa năng
- Nhựa chống va đập
- Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



**ĐUÔI ĐÈN
E27**



BÚT THỬ ĐIỆN



NEP1501

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500



NEP1201 - Bút thử điện đa năng

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, đèn LED chiếu sáng, pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/blister, 10 cái/hộp

51.000



NEP7250 - Bút thử điện đa năng

- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 - 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V - 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/blister, 10 cái/hộp

33.000



NEP1502

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng

19.500



NEP1202 - Bút thử điện đa năng

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/blister, 20 cái/hộp

24.000

CÔNG TẮC THẺ



NCS7001

- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch - 20A - 250V
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng

840.000

Ổ CẮM CÓ DÂY

Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002 An toàn và tiện lợi



NES5215-3 - Dây 3m

185.000

NES5215-5 - Dây 5m

222.000

- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3 - Dây 3m

235.000

NES3332-5 - Dây 5m

280.000

- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES43415-3 - Dây 3m

252.000

NES43415-5 - Dây 5m

300.000

- Công suất 15A - 250V ~ 3750W
- Loại 4 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 4 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES4213-3S1 - Dây 3m

115.000

NES4213-5S1 - Dây 5m

140.000

- Công suất 10A - 250V ~ 2500W
- Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES332U-3 - Dây 3m

285.000

NES332U-5 - Dây 5m

340.000

- Công suất 15A - 250V ~ 3750W, USB 2.1A
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc
- Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3320-5 - Dây 5m

248.000

- Công suất 20A - 250V ~ 5000W
- Nhựa chịu nhiệt cao
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc
- Dùng cho nồi lẩu, bếp điện
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NES3332-3S1 - Dây 3m

145.000

NES3332-5S1 - Dây 5m

175.000

- Công suất 10A - 250V ~ 2500W
- Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc
- Đóng gói: 10 cái/ thùng



NHỰA CHỐNG CHÁY



Tiếp điểm HỢP KIM ĐỒNG



CÔNG TẮC ĐÈN LED



MÀN CHE AN TOÀN



CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP



ROLE BẢO VỆ QUẢ NHIỆT



DÂY ĐIỆN DÀI 3-5M



POWER, JUST FASTER
TURBO
POWER ENGINE

CÔNG NGHỆ SẠC NHANH

TỰ ĐỘNG NHẬN BIẾT THIẾT BỊ ĐỂ ĐƯA RA TỐC ĐỘ SẠC NHANH NHẤT CÓ THỂ



NES232C1A-2 **NEW** Ổ Cắm Có Dây Để Bàn

- Công nghệ sạc nhanh GaN 45W
- Tích hợp chip thông minh
- Tương thích với tất cả laptop
- 250V ~ 50/60Hz; 10A; max 2500W
- 2 Cổng sạc type C + 1 Cổng sạc type A max 45W
- 2 Ổ cắm đa năng cắm được phích kích thước lớn
- Vỏ nhựa chống cháy chuẩn V0
- Tiếp điểm đồng chất lượng cao
- Công tắc độ bền cao lên đến 15.000 lần nhấn
- Bảo vệ chống quá tải
- Màn che an toàn
- Dây điện dài 2m
- Đế chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hộp treo, 5 cái/thùng

699.000



NES432C1A-2 **NEW** Ổ Cắm Có Dây Thông Minh

- Công nghệ sạc nhanh GaN 45W
- Tích hợp chip thông minh
- Màn hình hiển thị LED thông minh
- Tương thích với tất cả laptop
- 250V ~ 50/60Hz; 10A; max 2500W
- 2 Cổng sạc type C + 1 Cổng sạc type A max 45W
- 4 Ổ cắm đa năng cắm được phích kích thước lớn
- Vỏ nhựa chống cháy chuẩn V0
- Công tắc hẹn giờ từ 1h - 24h
- Tiếp điểm đồng chất lượng cao
- Bảo vệ chống quá tải
- Màn che an toàn
- Dây điện dài 2m
- Đế chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hộp treo, 5 cái/thùng

879.000



TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004

* Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	NDB104P-1	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	99.000
	NDB104P	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	115.000
	NDB108P-1	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	155.000
	NDB108P	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	176.000
	NDB110P	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	270.000
	NDB114P	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	330.000
	NDB120P	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	550.000
	NDB126P	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	790.000
	NDB128P	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	895.000

TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG NANOCO NEW

NÂNG TẦM CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Thiết kế mới cho không gian hiện đại.
Dễ dàng thi công rút ngắn thời gian lắp đặt.
Không gian đi dây rộng rãi, có sẵn phụ kiện đi kèm.
Đa dạng lựa chọn với các kích thước lắp đặt từ 2 đến 24 thiết bị.

NHỰA CHỐNG CHÁY
 CHỊU VA ĐẬP
 NẶN NHỰA PC
 NẶN TỰ ĐỘNG KHI MỞ
 DỄ DÀNG LẮP ĐẶT
 THIẾT KẾ PHẪNG HIỆN ĐẠI
 KHÔNG GIAN LẮP ĐẶT RỘNG RÃI

NEW	Hình ảnh	Mã sản phẩm	Mặt	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
		NDB104P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	2 - 4	215 x 130 x 80	1 cái/ hộp 5 cái/đai	165.000
		NDB104PB	Kính					
		NDB108P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	4 - 8	215 x 215 x 80	1 cái/ hộp 5 cái/đai	270.000
		NDB108PB	Kính					
		NDB112P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	8 - 12	215 x 290 x 85	1 cái/hộp	410.000
		NDB112PB	Kính					
		NDB116P	Trắng	Mặt nhựa - Đế nhựa	12 - 16	215 x 360 x 85	1 cái/hộp	510.000
		NDB116PB	Kính					
		NDB124P	Trắng	Mặt nhựa - Đế kim loại	16 - 24	415 x 300 x 95	1 cái/hộp	960.000
		NDB124PB	Kính					



ĐẦU BÁO CHÁY NEW



- Điện áp: 3V (pin lithium tích hợp, không thể thay thế)
- Nguyên lý hoạt động: Quang điện
- Âm lượng báo động: ≥ 85 dB trong 3m
- Độ nhạy: 0,08 ~ 0,16 dB/m

- Dòng báo động: ≤ 50 mA
- Dòng tĩnh: $\leq 7\mu$ A
- Nhiệt độ hoạt động: 0°C ~ 50°C
- Độ ẩm tối đa: 95%RH
- Tuổi thọ pin 10 năm



NSA08

- Thiết Bị Báo Cháy Không Dây Độc Lập
- Có chế độ báo pin yếu hoặc thiết bị có sự cố kỹ thuật
- Kích thước sản phẩm: $\Phi 100 \times H33,8$ mm
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

310.000



NSA08W

- Thiết Bị Báo Cháy Không Dây Độc Lập Kết Nối Wifi
- Có chế độ báo pin yếu hoặc thiết bị có sự cố kỹ thuật
- Kích thước sản phẩm: $\Phi 113,5 \times H47$ mm
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 50 cái/thùng

Chức năng WiFi

- Điện áp: 3V
- Pin thay thế: 2 viên pin AA 3V
- Dòng tĩnh: $\leq 8\mu$ A
- Dòng báo động: ≤ 80 mA
- Tần số: 2.4 GHz
- Hỗ trợ: 802.11 b/g/n
- Kênh hỗ trợ: CH1 ~ CH13
- Tương thích hệ điều hành: Android và iOS

899.000



ĐIỀU KHIỂN QUA APP

CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY



CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN NJX378

NJX378



- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4,5V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND156/ND157
- Đóng gói: 1 bộ/vi treo; 10 bộ/ thùng

330.000

NJX379-156



- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- Báo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Báo trộm: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4 m, HIGH ≤ 10 m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vi treo, 10 bộ/thùng

550.000

CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY



ND156 - Đóng gói hộp ND1561 - Đóng gói vi treo



ND157 - Đóng gói hộp ND1571 - Đóng gói vi treo



- Bộ chuông điện không dây
- 110V - 220V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn - vừa - nhỏ - im lặng), 0dB - 110dB
- Hoạt động lên đến 300m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông cảm ứng NDT15
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vi treo; 10 bộ/thùng

340.000

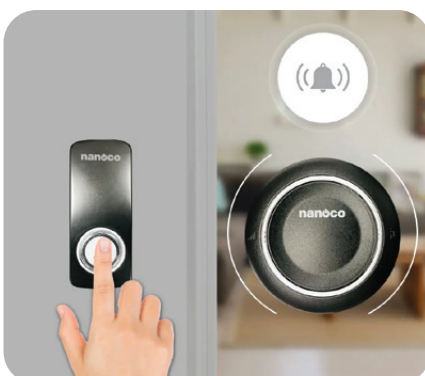


NDT15



- Nút chuông cảm ứng
- Dùng cho chuông ND156/ ND157
- Pin CR2032 3V
- IP44, cảm ứng 1 lần chạm
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND156/157
- Đóng gói: 1 cái/hộp; 100 cái/thùng

140.000



ND153W



ND153BK



- Bộ chuông điện không dây không dùng pin
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn-vừa-nhỏ-im lặng), 0dB - 110dB
- Hoạt động lên đến 150m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông NDT153W/BK
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vi treo, 10 bộ/ thùng

370.000



NDT153W



NDT153BK



- Nút chuông không dùng pin
- Dùng cho ND153BK/ ND153W
- Có thể lắp ngoài trời
- Độ bền đến 100,000 lần nhấn
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND153W/BK
- Đóng gói : 1 cái/hộp, 100 cái/thùng

170.000



ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN



Ống luồn dây điện dạng tròn

Mã sản phẩm		Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây)	
						Trắng	Màu
FPC16L	FPC16LM	Ø16	1,25 ± 0,1	320	50	22.000	
FPC16L1					25		
FPC20L	FPC20LM	Ø20	1,3 ± 0,1	320	50	29.000	
FPC20L1					25		
FPC25L	FPC25LM	Ø25	1,4 ± 0,1	320	25	42.000	
FPC32L		Ø32	1,75 ± 0,1	320	20	67.000	
FPC16H		Ø16	1,55 ± 0,1	1.250	50	31.000	
FPC20H		Ø20	1,7 ± 0,1	1.250	50	41.000	
FPC25H		Ø25	2,0 ± 0,1	1.250	25	59.000	
FPC32H		Ø32	2,1 ± 0,1	1.250	20	111.000	
FPC40H		Ø40	2,3 ± 0,1	1.250	10	146.000	
FPC50H		Ø50	2,65 ± 0,1	1.250	10	193.000	
FPC16	FPC16M	Ø16	1,35 ± 0,1	750	50	25.000	28.000
FPC161					25		
FPC20	FPC20M	Ø20	1,4 ± 0,1	750	50	33.000	36.000
FPC201					25		
FPC25	FPC25M	Ø25	1,45 ± 0,1	750	25	48.000	53.000
FPC32		Ø32	1,85 ± 0,1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2,92m/ cây

NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG



Mã sản phẩm		Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	NNV1715M	15x9	0,7 ± 0,1	1,7	50	9.000
NNV1720	NNV1720M	20x10	0,7 ± 0,1	1,7	50	11.400
NNV1725	NNV1725M	25x14	0,9 ± 0,1	1,7	50	17.400
NNV1730	NNV1730M	30x16	1,0 ± 0,1	1,7	50	21.000
NNV1740	NNV1740M	40x18	1,2 ± 0,1	1,7	25	32.600
NNV1750	NNV1750M	50x35	1,4 ± 0,1	1,7	10	70.000
NNV1760		60x40	1,5 ± 0,1	1,7	6	88.000
NNV1780		80x60	1,7 ± 0,1	1,7	6	143.000
NNV17100		100x60	1,8 ± 0,1	1,7	6	209.000
NNV2015		15x9	0,7 ± 0,1	2,0	50	10.500
NNV2020		20x10	0,7 ± 0,1	2,0	50	13.500
NNV2025	NNV2025M	25x14	0,9 ± 0,1	2,0	50	20.800
NNV2030		30x16	1,0 ± 0,1	2,0	50	24.800
NNV2040		40x18	1,2 ± 0,1	2,0	25	38.000
NNV2050		50x35	1,4 ± 0,1	2,0	10	83.000
NNV2060		60x40	1,5 ± 0,1	2,0	6	104.000
NNV2080		80x60	1,7 ± 0,1	2,0	6	165.000
NNV20100		100x60	1,8 ± 0,1	2,0	6	248.000

*Giá bán đã bao gồm VAT

ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG XOẮN

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010			
PVC	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16W	16mm (50m/cuộn)	170.000
	FRG16WM		
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG20WM		
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG25WSM		
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000
PVC	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000
Ống xoắn HDPE Trắng/ Xám	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRG16PE/ PE3	16mm (50m/cuộn)	153.000
	FRG20PE/ PE3	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE/ PE3	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE/ PE3	32mm (25m/cuộn)	269.000



NẸP BÁN NGUYỆT NEW

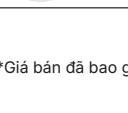


NHỰA CHỐNG CHÁY CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP THIẾT KẾ BÀN LỀ DỄ DÀNG THI CÔNG					
Bản lề đóng mở					
Mã sản phẩm	Kích thước RxC (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNB1230	30 x 12	1,6	1,2	40	52.000
NNB1240	40 x 15	1,8	1,2	25	78.000
NNB1260	60 x 18	2,0	1,2	12	114.000
NNB1280	80 x 20	2,2	1,2	10	170.000
NNB12100	100 x 22	2,5	1,2	10	207.000

* Không bao gồm băng keo dán trên sản phẩm



PHỤ KIỆN PVC

	Khớp nối trơn	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói: 100 cái/thùng	840
		NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói: 200 cái/thùng	1.200
		NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói: 100 cái/thùng	1.900
		NPA0125M	Đóng gói: 100 cái/thùng	
		NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói: 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
Nano		FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói: 30 cái/bao	9.500
		FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói: 20 cái/bao	13.000
	T nối	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		NPA0416	T nối cho ống Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	2.000
		NPA0420	T nối cho ống Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
		NPA0425	T nối cho ống Ø25 Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
		NPA0432	T nối cho ống Ø32 Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
		Nano FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói: 10 cái/bao	14.500
Nano		FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói: 10 cái/bao	17.000
	T nối có nắp Nano	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói: 25 cái/bao	9.500
		FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói: 10 cái/bao	15.000
		FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói: 10 cái/bao	18.000
	Hộp nối 1 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
		NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
		NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
		NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
		NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500
	Hộp nối 2 ngã thẳng	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
		NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
		NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
		NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
		NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500
	Hộp nối 2 ngã vuông	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
		NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
		NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
		NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
		NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500
	Hộp nối 3 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
		NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
		NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
		NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
		NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500
	Hộp nối 4 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Đóng gói: 60 cái/thùng
		NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
		NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
		NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
		NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500
	Nắp đáy hộp nối tròn	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		NPA2620	Nắp đáy hộp nối tròn, vít Đóng gói: 60 cái/bao, 1.500 cái/thùng	2.100
		NPA2720F	Nắp đáy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói: 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500

	Kẹp đỡ ống	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói: 100 cái/bao, 3.000 cái/thùng	950
		NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói: 100 cái/bao, 3.000 cái/thùng	1.200
		NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói: 100 cái/bao, 2.000 cái/thùng	2.000
		NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói: 100 cái/bao, 1.000 cái/thùng	3.000
		Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói: 50 cái/bao	5.000
	Đầu và khớp nối ren	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao, 1.200 cái/thùng	3.300
		NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói: 100 cái/bao, 1.000 cái/thùng	3.500
		NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói: 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
		NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói: 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300
	Co nối	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao - 1.500 cái/thùng	1.500
		NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
		NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói: 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
		NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói: 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
		Nano FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói: 20 cái/bao	13.000
Nano		FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói: 15 cái/bao	17.800
	Co nối có nắp Nano	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói: 50 cái/bao	6.000
		FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói: 40 cái/bao	10.500
		FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói: 20 cái/bao	16.000
	Đầu nối ống mềm PVC Nano	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói: 100 cái/bao	13.000
		FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói: 100 cái/bao	17.000
		FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói: 50 cái/bao	25.000
		FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói: 50 cái/bao	39.000
	Đầu giảm Nano	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói: 100 cái/bao	1.700
		FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói: 100 cái/bao	2.600
		FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói: 50 cái/bao	4.100
		FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói: 40 cái/bao	8.100
		FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói: 30 cái/bao	10.200
	Lò xo uốn ống	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
		FLXU016M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
		FLXU016L	Lò xo uốn ống Ø16	
		FLXU020M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
		FLXU025M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
		FLXU025L	Lò xo uốn ống Ø25	
		FLXU032M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
		FLXU032L	Lò xo uốn ống Ø32	

*Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N



PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB



NS80/ NS801

Đai sắt dùng cho HB
(Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)
Frame for HB
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



NN81/ NN81M

Đai nhựa dùng cho HB
(Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)
Frame for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng

4.000



NHB9801/ NHB9801M

Hộp nối dùng cho HB
Mounting surface plate for HB
Đóng gói: 100 cái/thùng

8.000



NBD9802

Hộp nối dùng cho CB 2 tệp
Mounting surface plate for MCB 2P
Kích thước: 121x54x69,47mm
Đóng gói: 30 cái/thùng

18.000

HỘP NỐI DÂY



NPA10050V

Hộp nối dây 100x100x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng

22.000



NPA12050V

Hộp nối dây 120x120x50mm
Wiring box
Đóng gói: 30 cái/thùng

27.000



NPA15055V

Hộp nối dây 150x150x55mm
Wiring box
Đóng gói: 20 cái/thùng

39.000



NPA20065V/ NPA20065VM

Hộp nối dây 200x200x65mm
Wiring box
Đóng gói: 10 cái/thùng

68.000



NPA103V

Hộp nối dây tròn 90x90x40mm
Round junction box
Đóng gói: 60 cái/thùng

12.000

MẶT THIẾT BỊ



NB9601

Nắp kín đơn
Wiring box lid - 1 gang
Đóng gói: 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



NB9602

Nắp kín đôi
Wiring box lid - 2 gang
Đóng gói: 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



NA105-N

Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box lid - BS Standard
Đóng gói: 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI



NBD200

Hộp âm cho CB 2 tệp
Wiring box for MCB
Kích thước: 115x66x58mm
Đóng gói: 20 cái/thùng

9.000



NA101TM - kèm vít

6.200

NA101TM1 - bắt vít

6.600

Hộp âm đơn
Wiring box - 1 gang
Kích thước: 106x64x43mm
Đóng gói: 100 cái/thùng



NA102T/ NA102TM - kèm vít

10.500

NA102T1/ NA102TM1 - bắt vít

11.200

Hộp âm đôi
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 109x103x44mm
Đóng gói: 60 cái/thùng



NA105

Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 80x80x42,5mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.200

NEW

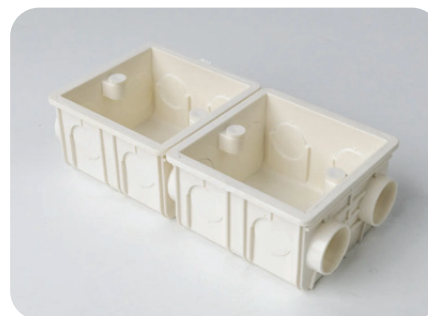
HỘP ÂM ĐƠN VUÔNG GHÉP NỐI



CHỊU LỰC
CHỐNG VA ĐẬP



NHỰA
CHỐNG CHÁY



NA1051

Hộp âm đơn vuông ghép nối chống cháy chuẩn BS
Wiring box - BS Standard
Kích thước: 85x85x50mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

8.500



NA106

Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu
(Dùng cho WEB1051W)
Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)
Kích thước: 135x75,6x58mm
Đóng gói: 40 cái/thùng

18.000



NPCA104

Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn
Wiring box - 2 gang
Kích thước: 131x106x42,5mm
Đóng gói: 50 cái/thùng

10.500



NN101FM - Full/ NN101WM - Wide

Hộp nổi đơn
Surface box
Kích thước: 120x70x35mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

10.500



NN102FM - Full/ NN102WM - Wide

Hộp nổi đôi
Duplex surface box
Kích thước: 120x115x35mm
Đóng gói: 60 cái/thùng

16.000



NN105

Hộp nổi đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS
Surface box - BS Standard
Kích thước: 86x86x35,2mm
Đóng gói: 100 cái/thùng

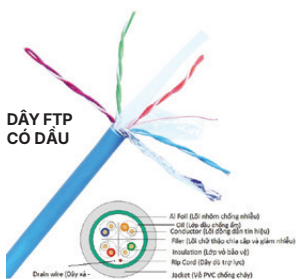
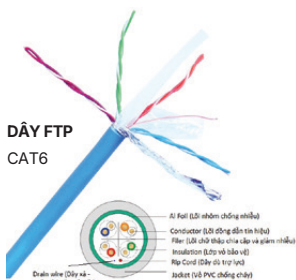
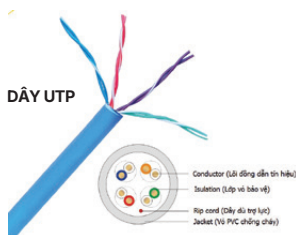
9.000

Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nổi, hộp nối dây đều có kèm vít

*Giá bán đã bao gồm VAT

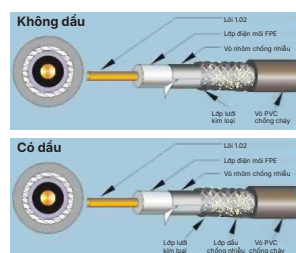


DÂY CÁP MẠNG



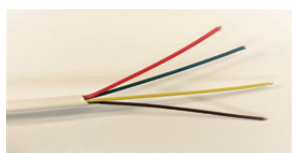
Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10W Trắng	Cat5e UTP 0.50mm 4 Pairs 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,50 CCA	PE 0,91	Có	PVC 5,1	910.000
NC5E-F10B Xanh	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 CCA	PE 1,00	Có	PVC 5,1	1.130.000
NC5E-F10W Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305 m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	4.200.000
NC5E-F100B Xanh	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dây, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	4.600.000
NC5E-F100WO Trắng	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, có dây, 100% Cu 24 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	4.600.000
NC6-U10W Trắng	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,02	Có	PVC 6	1.240.000
NC6-F10B Xanh	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,00	Có	PVC 6,6	1.580.000
NC6-F10W Trắng	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu 10% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0.57 CCA ±0,01 mm	PE 1,00	Có	PVC 6,6	1.580.000
NC6-F100B Xanh	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	5.440.000
NC6-F100W Trắng	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	5.440.000
NC6-F100BO Xanh	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dây - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	5.770.000
NC6-F100WO Trắng	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, Có dây - 100% Cu 23 AWG Chiều dài: 305m/cuộn	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	5.770.000

DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	750.000
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	860.000
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - có dây Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	1.050.000
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn Màu trắng/đen	1,02 100% Đồng	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	~100m	1.420.000

DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405BK Đen	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn	0,5 CCA	HDPE	PVC	570.000
NTV405W Trắng	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn	0,5 CCA	HDPE	PVC	570.000

BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN

- Độ bám dính >0,35 Kg/25mm

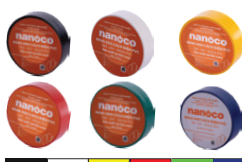
- Điện áp đánh thủng >5kV



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	94.000/cây
FKPT20	20YDS	164.000/cây

Đóng gói: 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



BK W Y R G B



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	66.000/cây
FKPC20	20YDS	120.000/cây

Đóng gói: 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

Xuất xứ Đài Loan

Xuất xứ PRC



INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất



Dây điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dây điện áp trên	Xám

Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



F0511-SR
- Rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54

96.000



F0512-SR
- Solid rubber plug (Splashproof)
phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP54, chịu va đập

133.000



F2510-SR
- Rubber connector (Splashproof)
ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',
16A, 250V, IP20

97.000



F1050-OB
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



F105-OB
- Socket outlet (Splashproof IP54)
- Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54

81.000



F106-0
- Mounting box (Splashproof IP44)
- Đế nối cho ổ cắm âm không kín nước

104.000

Ổ cắm chia 3 ngã Multiple-socket outlet



F9432007
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

2.470.000



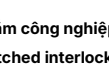
F9432006
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.588.000



F9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.379.000



F9430401
Ổ cắm chia 3 ngã
16A - 3P - 230V - IP44

1.180.000

Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



F61132-6
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.886.000



F61252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

2.117.000



F75252-6
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.616.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



F013-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

81.000



F014-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

118.000



F015-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

132.000



F023-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

148.000



F024-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

155.000



F025-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



F213-6ECO
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

115.000



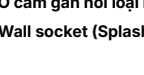
F214-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

148.000



F215-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

183.000



F223-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

180.000



F224-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

206.000



F225-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

263.000

Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



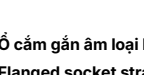
F113-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

159.000



F114-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

195.000



F115-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000



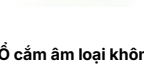
F123-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

221.000



F124-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

233.000



F125-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

249.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



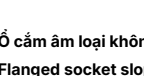
F313-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

166.000



F314-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

184.000



F315-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000



F323-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

206.000



F324-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

213.000



F325-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

244.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



F413-6 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

185.000



F414-6 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

218.000



F415-6 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

243.000



F423-6 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

289.000



F424-6 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

318.000

F425-6 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

349.000



Phích cắm di động loại kín nước (IP67)

Plug (Watertight IP67)

	F0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	313.000
	F0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	331.000
	F0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	353.000
	F0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	406.000
	F0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	432.000

	F033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	874.000
	F034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	897.000
	F035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	926.000
	F043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.676.000
	F044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.974.000
	F045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	2.249.000

	F0822-10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	331.000
---	-----------	--------------------------------	---------

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)

Connector (Watertight IP67)

	F2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	331.000
	F2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	366.000
	F2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	460.000
	F2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	471.000
	F2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	485.000
	F2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	525.000

	F233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.048.000
	F234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.070.000
	F235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.097.000
	F243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.305.000
	F244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.426.000
	F245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.602.000

	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	417.000
---	-------------	-----------------------------------	---------

Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)

Wall socket (Watertight IP67)

	F1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	480.000
	F1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	554.000
	F1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	607.000
	F1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	649.000
	F1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	696.000
	F1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	737.000

	F133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.158.000
	F134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.279.000
	F135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.389.000

	F143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.834.000
	F144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	3.010.000
	F145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	3.187.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)

Flanged socket straight (Watertight IP67)

	F3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	441.000
	F3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	471.000
	F3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	507.000
	F3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000

	F333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	696.000
	F334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000
	F343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.852.000
	F344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.985.000
	F345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.095.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)

Flanged socket sloping (Watertight IP67)

	F4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	277.000
	F4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	313.000
	F4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	324.000
	F4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000

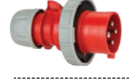
	F433-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000

	F443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.798.000
	F444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.974.000
	F445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.195.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước

Container - Plug and Socket

(Watertight IP67)

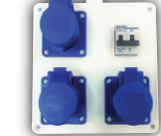
	F0242-3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	336.000
---	----------	---	---------

	F1242-3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	983.000
---	----------	--	---------

	F2242-3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	482.000
--	----------	--	---------

	F3242-3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	568.000
---	----------	--	---------

Bộ tủ điện phân phối

	NDB313-232.	Tủ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	999.000
---	-------------	--	---------

	NDB313.	Tủ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	670.000
---	---------	--	---------

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

NPA20065VM

(*) Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 29

nanoco

	Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)		
	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	380.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	400.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	500.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	520.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	480.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	500.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	620.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	640.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	550.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	580.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	700.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	750.000



Ổ CẮM - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP

Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)



NIS105-0B
16A - 2P - 230V - IP54

60.000

Ổ cắm chia 3 ngã



NIS9432000
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

400.000

Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)



NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (IP44)



NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)



NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000



NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.380.000
NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)



NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000



NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000



NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)



NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000



NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	540.000
NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000



NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) - Plug (IP44)



NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)



NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (IP44)



NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)



NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000



NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67) Container - Plug and Socket (Watertight IP67)



Phích cắm - Plug		
NIP0242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	215.000



Ổ cắm gắn nổi - Wall socket		
NIS3242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	490.000



Ổ cắm nối - Connector		
NIS2242-6	- 32A - 4P - 400V - 6H - IP67	260.000

Ổ cắm gắn âm dạng thẳng Flanged socket straight



Ổ cắm gắn âm dạng thẳng		
NIS3242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	320.000

Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67) Flanged socket straight (Watertight IP67)



NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

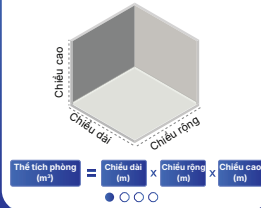


LỰA CHỌN QUẠT HÚT

4 BƯỚC

CHO KHÔNG GIAN KHÔNG ĐIỀU HÒA

1 Tính thể tích phòng cần lắp quạt hút



2 Bội số (Số lần) Trao đổi không khí

Loại	Bội số (Số lần) Trao đổi không khí (Lần/h)
Phòng khách	2-3
Phòng ngủ	2-3
Phòng bếp	2-3
Phòng tắm	10
Phòng vệ sinh	10

Các thông số trong bảng trên áp dụng cho các phòng trong nhà ở dân dụng.

3 Tính toán lưu lượng không khí cần thiết

Lưu lượng không khí cần thiết (m³/h)
II
Bội số (số lần) trao đổi không khí (lần/h)
X
Thể tích phòng (m³)

4 Lựa chọn loại quạt hút có lưu lượng không khí phù hợp



Lưu lượng không khí quạt hút > lưu lượng không khí cần thiết của mỗi loại phòng

2 BƯỚC

CHO KHÔNG GIAN CÓ ĐIỀU HÒA

1 Lượng không khí từ bên ngoài cấp vào phòng trong nhà ở (phòng khách/ phòng ngủ) là 35m³/h cho 1 người



2 Nhân 35 với số người ở trong phòng
⇒ lượng không khí cần thiết (m³/h)
⇒ chọn quạt hút có lưu lượng không khí ≥ lưu lượng gió

Lưu lượng không khí cần thiết = 35 x Số người trong phòng

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-25TGU5	26,5	612	39	31,5	1.090.000
FV-15TGU6	10	275	35	21,7	870.000
FV-20TGU6	18	520	40	27	980.000

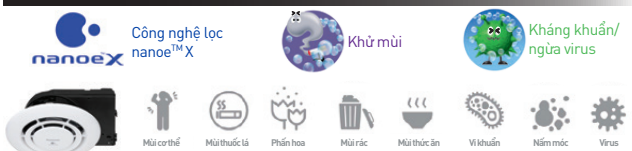
QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Hình	Mã sản phẩm	Loại	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
	FV-15AU1		12,5	255	36	20	1.080.000
	FV-20AL1	1 chiều - Có màn che	18	550	38	25	1.100.000
	FV-25AL1		25	840	40,5	30	1.210.000
	FV-30AL1		28	1.000	39	35	2.410.000
	FV-20RL1	2 chiều - Có màn che	17/12,5	550/430	38/45	25	1.750.000
	FV-25RL1		25/16,5	840/600	40,5/43	30	2.130.000
	FV-30RL1		27,5/18	1.000/750	39/42	35	2.500.000
	FV-20AU1	1 chiều - Không màn che	18	590	36	25	880.000
	FV-25AU1		25	950	38	30	1.000.000
	FV-30AU1		28	1.200	37	35	1.610.000

QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

Hình	Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	
	FV-10EGS2	4,3	76	35	Φ13~14	Φ12~12,5	19	840.000
	FV-15EGS2	5,7	155	36	Φ17,5~18,5	Φ16,5~17	23	1.020.000
	FV-10EGD2	4,1	82	34	Φ13~14	Φ12~13	9	700.000
	FV-15EGD2	5,7	170	37	Φ17,5~18,5	Φ16,5~17,5	9	770.000

Thiết bị phát ion - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng nanoe™ X



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ (cm)	
FV-15CSD1	4	15	23,5	15	7.480.000

QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	
FV-25GS4	39	1.100	34	27,5	4.870.000
FV-30GS4	59	1.800	38	32,5	6.740.000
FV-35GS4	88	2.670	44	39,5	8.240.000
FV-40GS4	161	3.780	47	44,5	10.510.000

QUẠT HÚT SƯƠI

Chức năng thông gió, sưởi ấm



FV-30BZ1

4.700.000

Kích thước lắp đặt: 280x260mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.380	130	45
Thông gió	23		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote



FV-30BY1

6.690.000

Kích thước lắp đặt: 260 x 280mm/ Kích thước ống dẫn: Ø110mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.400		45
Thông gió	20	140	41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote



FV-30BG3

10.920.000

Kích thước lắp đặt: 300x 300mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.500		46
Thông gió	28	170	39

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát, đèn có remote



FV-54BVZL1

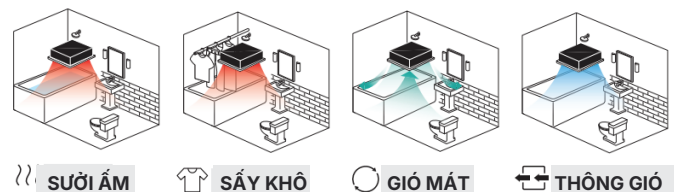
NEW

11.250.000

Kích thước lắp đặt: 284 X 556mm/ Kích thước ống dẫn: Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	2650	140	46
Thông gió	23		39

CHỨC NĂNG QUẠT HÚT SƯƠI





Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc, ...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp từ 23dB
- Thiết kế tinh tế dễ lắp đặt
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000h
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- Động cơ được trang bị cảm biến nhiệt - tự động tắt khi quạt quá nóng - đảm bảo an toàn cho thiết bị và người sử dụng



QUẠT CẤP GIÓ

Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Thiết bị cấp "gió tươi"



Lọc bụi mịn PM 2.5



- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

13.125.000

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
FV-01NAP1	10	133	26
Cao	3	42	20
Thấp			



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ tường (cm)
FV-06PHP1	7,5	63	36	Ø164 - Ø168
Cao	3,2	32	25	
Thấp				

4.010.000

QUẠT CHẦN GIÓ



Mã sản phẩm	Hz	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
FY-3509U1	50	Cao	95	1.150
		Thấp	85	1.000
FY-4009U1	50	Cao	110	1.340
		Thấp	94	1.190

16.800.000

17.150.000

Mã sản phẩm	Hz	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
FY-3512U1	50	Cao	114	1.550
		Thấp	100	1.300
FY-4012U1	50	Cao	126	1.700
		Thấp	105	1.530

18.334.000

18.500.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Quạt êm, hiệu năng cao

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)
-------------	---------------	---------------------	------------	-------------------------------

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV-17CU9	7,5	85	23	17,7	2.440.000
NEW FV-17CH9	9,5	100	27,5	17,7	2.600.000
FV-24CU9	10,5	140	25	24	3.010.000
FV-24CD9	13,5	170	28,5	24	3.100.000
FV-24CH9	16,5	200	32	24	3.280.000

Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	27	5.020.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34		
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	32	6.700.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36		
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	32	7.280.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41		
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	38,5	9.080.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44		
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	38,5	9.900.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50		

Dòng quạt hút có sensor



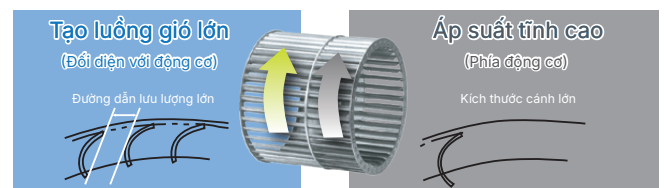
Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)
-------------	---------------	---------------------	------------	-------------------------------

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV-24CUR2	11	140	25	24	4.320.000
FV-24CHR2	17	200	32	24	4.515.000
FV-24CURV2	11	140	25	24	5.720.000
FV-24CHRV2	17	200	32	24	5.920.000

*Sensor chuyển động

*Sensor chuyển động & độ ẩm

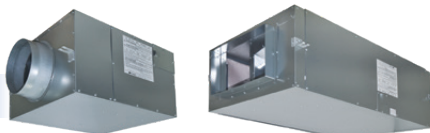


Mạnh mẽ với luồng gió kép

Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

QUẠT HÚT CABINET - Độ ồn thấp

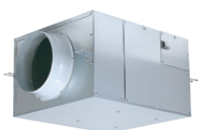
3 pha



Mã sản phẩm	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)
FV-28NX3	600	2.600	44	Ø250
FV-25SW3	940	4.000	43	250 x 500
FV-25SM3	1.180	5.200	45	250 x 700

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

Mã sản phẩm	Cấp độ	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)
FV-12NS3	Hi	18	180	21	Ø100
	Low	17	145	17	
FV-15NS3	Hi	33	340	25	Ø150
	Low	29,5	275	22	
FV-18NS3	Hi	60	500	29	Ø150
	Low	55	405	27	
FV-18NF3	Hi	91	770	31	Ø200
	Low	80	620	29	
FV-20NS3	Hi	120	920	32	Ø200
	Low	113	720	29	
FV-23NL3	Hi	230	1.200	40	Ø200
	Low	170	900	34	
FV-25NS3	Hi	345	1.700	41	Ø250
	Low	265	1.380	38	
FV-25NF3	Hi	390	1.900	43	Ø250
	Low	325	1.600	40	





QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



KẾT NỐI QUẠT TRẦN BẰNG WIRELESS



ĐIỀU KHIỂN BẰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Để điều khiển quạt trần bằng điện thoại, người dùng chỉ cần kết nối ứng dụng với bộ định tuyến.
* Thiết bị di động cần có: iOS 12,2 và Android 7 trở lên.

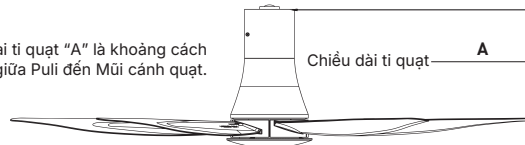
CHÚ Ý:

* Một tài khoản có thể kết nối tối đa 8 quạt trần
* Một quạt trần kết nối được 4 tài khoản

Cách xác định chiều dài ti quạt

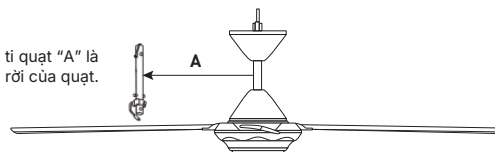
Quạt trần có Ti quạt cố định với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.



Quạt trần có Ti quạt rời (không cố định) với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37,3 cm

F-60DGN

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 73W (quạt 54W, đèn: 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 37,3 cm

F-60DHN

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 54W
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

13.970.000

10.800.000



F-60FEN

- Tích hợp công nghệ nanoE™ X giúp ức chế đến 99,9% vi khuẩn, vi rút, khử 90% mùi khó chịu trong vòng 15-30 phút, giữ ẩm cho da và tóc
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ ECONAVI - điều chỉnh lượng gió theo nhiệt độ môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể, giúp tiết kiệm điện đến 52%
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD



Đường kính cánh 150 cm
Chiều dài ti 28,8 cm



Đường kính cánh 120 cm
Chiều dài ti 27,8 cm

F-48DGL

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 50W (quạt: 31W, đèn 19W)
- Động cơ DC thế hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 200 m³/phút
- Thiết kế cánh quạt cải tiến giúp lan tỏa gió nhẹ nhàng, êm dịu
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

11.970.000

11.730.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

37



QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



F-70ZBP (Chiều dài từ 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện

Đường kính cánh 180cm

20.700.000



F-80ZBR (Chiều dài từ 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345 m³/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

Đường kính cánh 200cm

22.230.000



F-56XPG (Đen)
F-56XPG-W (Trắng)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 191 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

Đường kính cánh 140cm
Chiều dài từ 29,2cm

4.020.000



F-56MZG-GO (Vàng ánh kim, chiều dài từ 40,6cm)
F-56MZG-GOS (Vàng ánh kim, chiều dài từ 22,9cm)
F-56MZG-S (Bạc, chiều dài từ 40,6cm)
F-56MZG-SS (Bạc, chiều dài từ 22,9cm)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

Đường kính cánh 140cm

3.640.000



F-48CZL

- Công suất 55W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 160 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

Đường kính cánh 120cm
Chiều dài từ 14cm

5.050.000



F-56MPG-GO (Vàng ánh kim)
F-56MPG-S (Bạc)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m³/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

Đường kính cánh 140cm
Chiều dài từ 31,9cm

3.640.000

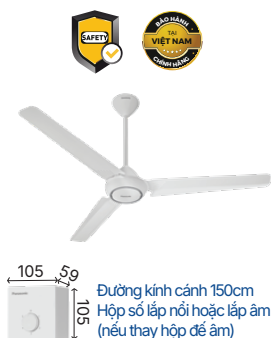


F-56NCL (Đồng cổ điển, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)
F-56NCL-S (Đồng cổ điển, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)

- Công suất 70W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m³/phút

Đường kính cánh 140cm
Hộp số loại nổi

2.650.000



F-60FV2-MS (Trắng, chiều dài từ 9inch - 22,8cm)
F-60FV2-S (Trắng, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)
F-60FV2 (Trắng, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)
F-60FV2-L (Trắng, chiều dài từ 22inch - 55,8cm)

- Công suất 74W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 270 m³/phút
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp để âm đơn mặt vuông:
W:80mm x L:80mm x H: trên 50mm (Kích thước để ngli)

Đường kính cánh 150cm
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay hộp để âm)

2.020.000



F-60M22-MS (Trắng, chiều dài từ 9inch - 22,8cm)
F-60M22-S (Trắng, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)
F-60M22 (Trắng, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)
F-60M22-L (Trắng, chiều dài từ 22inch - 55,8cm)

F-60M22-KMS (Đen, chiều dài từ 9inch - 22,8cm)
F-60M22-KS (Đen, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)
F-60M22-K (Đen, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)
F-60M22-KL (Đen, chiều dài từ 22inch - 55,8cm)

- Công suất 66W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 215 m³/phút

Đường kính cánh 150cm
Hộp số loại nổi

1.700.000

⚠️ **Khuyến cáo:** - Hộp số của quạt nào nên dùng đúng của quạt đó.
- KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.



QUẠT TREO TƯỜNG - Wall fan



- F-409MB** (Xanh)
F-409MG (Trắng ngà)
- Công suất 51W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
 - Có remote

2.930.000



- F-409UB** (Xanh)
F-409UGO (Vàng kim)
- Công suất 47,5W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió: 76 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

2.370.000



- F-50YUZ** (Đen)
- Công suất 53 ~ 63W
 - Đường kính quạt 50 cm
 - Lưu lượng gió 100 m³/phút
 - 850 ~ 1230 vòng quay/phút
 - Điều khiển quạt bằng công tắc giật dây

4.570.000

QUẠT ĐÀO - Orbit fan



- F-409QB** (Xanh)
F-409QGO (Vàng)
- Công suất 45W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió: 79 m³/phút
 - Quạt đảo 360°
 - Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.340.000

QUẠT BÀN - Table fan



- F-400CB** (Xanh)
F-400CI (Trắng ngà)
- Công suất 48W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Lưu lượng gió: 75 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Di chuyển dễ dàng

1.580.000

QUẠT ĐỨNG - Standing fan



- F-409KB** (Xanh)
F-409KBE (Beige)
F-409KMR (Đỏ)
- Công suất 51W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Chiều cao quạt 128 - 143 cm
 - Lưu lượng gió 77,5 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
 - Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
 - Có remote

4.130.000



- F-30JLVW** (Trắng)
F-30JLVG (Xám)
- 7 cánh quạt
 - Động cơ: DC
 - Công suất: 20W
 - Đường kính quạt: 30cm
 - Chiều cao quạt: 58cm - 101,5cm
 - Lưu lượng gió: 35,3 m³/ phút
 - 6 cấp độ gió
 - 3 chế độ gió: Thường - Tự nhiên - Ngủ
 - Hẹn giờ tắt 1 - 8 giờ
 - Có remote

2.930.000



- F-308NHB** (Xanh)
F-308NHP (Hồng)
- Công suất 37W
 - Đường kính quạt 30 cm
 - Chiều cao quạt 91 - 105 cm
 - Lưu lượng gió: 40 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
 - Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
 - Có remote

4.060.000



- F-307KHB** (Xanh)
F-307KHS (Bạc)
- Công suất 37W
 - Đường kính quạt 30 cm
 - Chiều cao quạt 66 - 85 cm
 - Lưu lượng gió: 50,7 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
 - Mạng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
 - Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
 - Có remote

2.840.000



- F-407WGO** (Vàng kim)
- Công suất 53.5W
 - Đường kính quạt 40 cm
 - Chiều cao quạt 134 - 157 cm
 - Lưu lượng gió: 76 m³/phút
 - 3 cấp độ gió
 - Có trang bị đèn ngủ

3.400.000

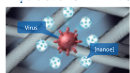


CÔNG NGHỆ NANOTM



KHÁNG KHUẨN/ NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (*1) và (H5N1) (*2)
- Diệt 99.9% vi khuẩn (E Coli O 157, MRSA.H)



Bao vây virus và vi khuẩn

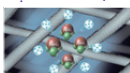


Vô hiệu hóa virus và vi khuẩn

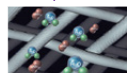


KHỬ MÙI

- Diệt 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phân tử mùi



Phân rã và loại bỏ mùi



GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ECONAVI

Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.

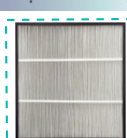


Tiết kiệm điện 50% (*1)

Số sánh với chế độ tự động

TẮM LỌC KHÍ

Tắm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tắm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Allergu-buster, tinh chất Catechin trong nhà xanh và Enzyme kháng khuẩn

Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tắm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Tính chất Catechin trong trà xanh

Vô hiệu hóa Virus



Vô hiệu hóa Vi khuẩn

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI - Air Purifier & Deodorization



- F-GPT01A-K (Đen)
- F-GPT01A-R (Đỏ)
- Lưu lượng gió: 0,07 m³/phút
- Phạm vi sử dụng: 3m³
- Độ ồn (MSK): 34dB
- Công suất: 3,5W
- Công nghệ lọc: nanoeTMX
- Dây cáp sạc: USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1,5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66 x Ø90 x H170 mm
- Khối lượng: 0,4 kg

*Sản phẩm thích hợp dùng cho xe hơi

4.500.000

LƯU Ý

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: phòng tắm, ...).
- Điều kiện để phát nanoeTMX:
- Nhiệt độ phòng: khoảng 5-40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn).
- Độ ẩm: Khoảng 30-85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa).



F-VXV70A
16.000.000



F-PXU70A
14.400.000



F-PXV55A
14.000.000



F-PXV50A
10.750.000



F-PXV35A
7.770.000



F-PXJ30A
4.850.000



F-P15EHA
3.930.000

	F-VXV70A	F-PXU70A	F-PXV55A	F-PXV50A	F-PXV35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m ³ /min) - hi	6,7	7	5,3	5	3,5	2,8	1,6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	36	49	29	24	30	29
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	49	52	47	49	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m ²)]	52	52	41	36	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM X	nanoe TM	-
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA (lọc được Formaldehyde)	HEPA	HEPA	HEPA	-	HEPA
- Hút gió 3 chiều	•	-	•	•	•	•	•
- Cảm biến sensor	Bụi và mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	PM2.5/ Mùi Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Mùi	Mùi	-
- Đo mức độ ô nhiễm	•	•	•	•	•	•	-
- Đèn báo PM2.5	-	•	•	•	-	-	-
- Chế độ tự động	•	•	•	•	•	•	-
- Chế độ Turbo	-	-	-	-	•	•	-
- Chế độ ngủ [8 giờ]	•	-	•	-	•	•	•
- Chế độ báo thay bộ lọc	•	•	•	•	•	•	•
- Chế độ khóa trẻ em	•	•	•	-	-	-	•
- Kích thước (C x R x S) (mm)	636x398x265	560x362x280	580x300x205	550x340x208	520x300x189	540x311x210	385x310x152
- Chế độ Econavi	•	-	•	-	-	-	-
- Điều khiển bằng remote	-	-	-	-	-	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	2 năm	10 năm	4 năm	3 năm	2 năm	2 năm
[Khử mùi]							
- Giá bộ lọc [Hỗn hợp]	1.790.000	2.150.000	1.920.000	2.520.000	1.340.000	890.000	1.210.000
[Khử mùi]	840.000	1.220.000	840.000	Hỗn hợp + khử mùi	750.000	610.000	Hỗn hợp + khử mùi
[Tạo ẩm]	970.000						



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ - Air Purifier

Thiết bị xử lý không khí Ziaino™



F-JPU70A

Thông số kỹ thuật	75.000.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo axit hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m²)	92(**)		
- Chế độ	Cao	Trung bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m³/phút)	7,0	4,0	2,0
- Điện năng tiêu thụ (W)	72	31	20
- Độ ồn (dB)	49	37	20
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	9,6	14,0	22,6
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 7,8 (Dung tích thực: 7,0)		
- Bộ lọc	Bộ lọc bụi bẩn (2 năm)/ Bộ lọc khử trùng (5 năm) / Cúm chống nấm mốc (5 năm)		
- Chi báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Chế độ khóa trẻ em	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	730 × 510 × 307		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	17		

- Hũ muối: 1000viên/hũ, dùng khoảng 3 năm (Ngày dùng 1 viên - 8 tiếng liên tục mỗi ngày)
* Thời gian vận hành liên tục với đầy nước đạt được trong môi trường có nhiệt độ phòng là 20°C và độ ẩm tương đối là 30%
** Diện tích sử dụng được tính toán bởi bộ phận nghiên cứu của Panasonic.

Thiết bị xử lý không khí Compact Ziaino™



NEW



* Dự kiến có hàng 10/2026

Thông số kỹ thuật	17.500.000		
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo Axit Hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m²)	30		
- Chế độ	Thấp	Trung Bình	Cao
- Lưu lượng gió (m³/phút)	0,3	1	2
- Điện năng tiêu thụ (W)	6	10	27
- Độ ồn (dB)	15	33	48
- Thời gian vận hành liên tục (giờ)	23,5	10,5	6,1
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 0,9		
- Cảm biến Sensor	Mùi - Nhiệt độ - Độ ẩm		
- Bộ lọc	Bộ lọc phức hợp HEPA tĩnh điện (3,5 năm)/ Bộ lọc diệt khuẩn (7 năm)/ Bộ điện cực (7 năm)/ Cúm chống nấm mốc (7 năm) ***Điều kiện: Vận hành 12 giờ mỗi ngày		
- Chi báo	Chỉ báo lỗi/ Chỉ báo cửa mở/ Chỉ báo thêm nước/ Chỉ báo xả nước/ Chỉ báo trạng thái/ Chỉ báo xác nhận nạp muối/ Chỉ báo thay điện cực/ Chỉ báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Chế độ khóa trẻ em	Có		
- Chế độ tự động	Có		
- Chế độ ngủ	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	450 × 185 × 280		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	5,7		
- Xuất xứ	Nhật Bản		

- Hũ muối: 300 viên/ hũ, dùng khoảng 3 năm (12 tiếng liên tục mỗi ngày)

MÁY HÚT ẨM - Dehumidifier

- *Màng lọc 4 trong 1
- + Khử mùi: 90%
- + Vô hiệu hóa vi khuẩn: 99%
- + Vô hiệu hóa vi rút: 90%
- + Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng: 80%

Thông số kỹ thuật		F-YCT10V 8.550.000	F-YCT14V 11.000.000	F-YCT17V 12.000.000
- Phạm vi sử dụng	m²	25	35	42
- Khả năng hút ẩm (30°C/80%)	L/Ngày	10	14	17
- Công suất	W	220	230	285
- Loại máy		Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh
- Bình chứa	L	2,5	2,5	4,8
- Hẹn giờ	H	-	2/4/8 (tắt)	2/4/8 (tắt)
- Bảo độ ẩm		-	●	●
- Báo đầy bình chứa		●	●	●
- Màng lọc		Màng lọc bụi thô	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1
- Chế độ hoạt động	Sets	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt
- Kích thước (C x R x S)	mm	530 × 293 × 230	580 × 300 × 215	605 × 360 × 260
- Tuổi thọ màng lọc (4 trong 1)	năm	-	3	3
- Khối lượng	Kg	13,0	11,5	14,0



(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater



KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4US1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



4.050.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



DH-4UP1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.000.000



DH-4US1VS

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



4.250.000



DH-4UP1VS

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.200.000



DH-4UD1VZ

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích).
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



5.660.000



DH-4UDP1VZ

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích)
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



7.620.000





(*) Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater



KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - X SERIES



DH-4XS1VH

- Công suất: 4,5kW
- Màn hình hiển thị nhiệt độ tiện lợi
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun
- Đầu vòi sen siêu rộng 109mm
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, nút xoay
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đạt tiêu chuẩn tương thích điện tử EMC
- Phù hợp với khu vực có nhiệt độ ngoài trời trên 20°C
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

* Dự kiến có hàng 10/2026

4.080.000

CÓ BƠM TRỢ LỰC

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - X SERIES



DH-4XP1VH

- Công suất: 4,5kW
- Màn hình hiển thị nhiệt độ tiện lợi
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun
- Đầu vòi sen siêu rộng 109mm
- Công nghệ tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, nút xoay
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đạt tiêu chuẩn tương thích điện tử EMC
- Phù hợp với khu vực có nhiệt độ ngoài trời trên 20°C
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

* Dự kiến có hàng 10/2026

6.120.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - V SERIES



DH-3VS1VW

- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.220.000

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - V SERIES



DH-3VP1VW

- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.210.000



DH-4VS1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

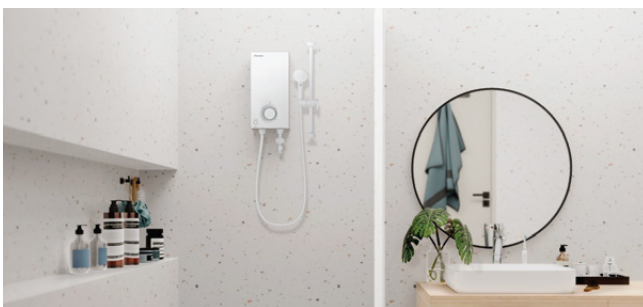
3.520.000



DH-4VP1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag⁺ với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện

5.430.000



Dòng tiêu chuẩn



DH-4MS1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,1 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

3.710.000



DH-4MP1VW

- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag⁺ kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,05 (kgf/cm²)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.

5.670.000



MÁY NƯỚC NÓNG GIẢN TIẾP - Storage water heater



JAPAN QUALITY
TRUSTED FOR OVER 100 YEARS

THẾ HỆ MÁY NƯỚC NÓNG GIẢN TIẾP HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI

Ruột bình làm bằng thép không gỉ*

Vật liệu Sản xuất tại Nhật Bản

BẢO HÀNH TỚI 12 NĂM
CHO BÌNH CHỨA
Áp dụng cho khách hàng đăng ký bảo hành điện tử

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI - TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI
• Lòng bình tráng men, có thanh Anode chống ăn mòn

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI
• Vỏ máy được làm từ vật liệu chống cháy
• Chống nước đạt tiêu chuẩn IPX4
• Trang bị ELB chống giật
• Tự động ngắt điện khi nhiệt độ đạt 75°C

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG
• Giữ nhiệt tốt nhờ lớp xốp Polyurethane
• Thanh đốt Incoloy bền bỉ tuổi thọ cao

THIẾT KẾ NHỎ GỌN
• Lớp đất dễ dàng vệ sinh và không gian nhỏ và chặt chẽ

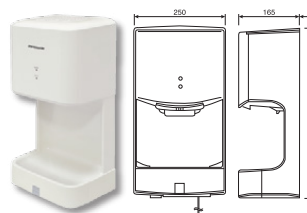
Mã sản phẩm		DH-15HBMVWL	DH-20HBMVWL	DH-30HBMVWL	DH-15SASVW	DH-30SASVW
		4.570.000	4.760.000	5.280.000	4.120.000	4.750.000
Thông số kỹ thuật	Dung tích (lít)	15	20	30	15	30
	Điện vào (V)	220	220	220	220	220
	Công suất (kW)	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5
	Áp lực nước (Tối đa) (Mpa)	0,75	0,75	0,75	0,75	0,75
	Nhiệt độ cao nhất (°C)	75	75	75	75	75
Thân máy	Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	30	40	60	30	60
	Màu	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng	Trắng
	Đèn LED báo đang đun nước	•	•	•	•	•
	Trọng lượng tịnh (kg)	7	8	10	8	13,1
	Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	323 x 437 x 310	323 x 526 x 310	323 x 704 x 310	380 x 380 x 325	440 x 440 x 390
Chất liệu	Ruột bình	Thép không gỉ từ Nhật			Lòng bình tráng men	
	Thanh đốt	Incoloy			Incoloy	
	Thanh anode	-			•	
	Chống nước	•			•	
	Vật liệu cách nhiệt	Mút Styrofoam			Lớp xốp Polyurethane dày 20mm	
An toàn	Đầu nước vào - đầu nước ra	Đồng			Thép không gỉ	
	Trang bị ELB chống giật	Tích hợp			•	
	Tự động ngắt nhiệt	•			•	
	Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4			IPX4	
	Cấu trúc cách điện	•			•	
Xuất xứ	Tuân thủ chất liệu không bắt lửa	•			•	
		Malaysia			Trung Quốc	

*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer

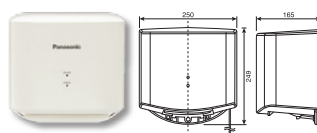


An Toàn - Tiết Kiệm
Bảo Vệ Môi Trường



FJ-T09A3 (Có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.621.000



FJ-T09B3 (Không có khay nước)
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB
- Tốc độ gió 110 m/s
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

6.436.000



MÁY BƠM ĐẨY CAO



GP-129JXK-SV5

(Dây điện 12,5cm)

1.780.000

GP-129JXK-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

1.800.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m



GP-200JXK-SV5

(Dây điện 12,5 cm)

2.170.000

GP-200JXK-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.190.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng

NEW



GP-201JXK-SV5

(Dây điện 12,5cm)

2.300.000

GP-201JXK-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.320.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



GP-250JXK-SV5

(Dây điện 20cm)

3.830.000

GP-250JXK-NV5

(Dây điện 125cm + phích cắm)

3.860.000

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát.



Sử dụng máy bơm khi kéo dãn ống nước chưa kín hoàn toàn sẽ khiến phần kéo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm.



MÁY BƠM TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG



A-130JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.480.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m



A-200JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.800.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng

NEW



A-201JAK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

2.970.000

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



A-130JACK

(Dây điện 125cm + phích cắm)

3.530.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



A-130JTX

(Dây điện 125cm + phích cắm)

4.850.000

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 9m
- Mô tơ dây đồng



GA-125FAK

(Dây điện 135cm + phích cắm)

3.250.000

- Bơm tăng áp điện tử nước LẠNH

- Công suất 125W

- Lưu lượng nước 30 lít/phút

* Lưu ý lắp đặt bơm (áp dụng cho GA-125FAK và GA-200FAH)

1. Sản phẩm này không dùng cho hút giếng và đẩy cao, chỉ sử dụng tăng áp từ trên xuống.

2. Bơm cần đặt thấp hơn bồn chứa và vòi nước ra thấp hơn bồn chứa ít nhất 1m.



GA-200FAH

(Dây điện 120cm + phích cắm)

4.210.000

- Bơm tăng áp điện tử nước NÓNG/LẠNH

- Công suất: 200W

- Lưu lượng nước: 50 lít/phút

* Lưu ý:

Chịu được nước nóng 100°C

Yêu cầu lắp đặt tương tự GA-125FAK

MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN



Công suất
(W) (HP)

Lưu lượng nước
tối đa (lít/phút)

Chiều hút sâu
(m)

Độ cao hút đẩy tối đa
(m)

Mô tơ
dây đồng

Giá bán

GP-10HCN1SVN

750

1

10-99

9

34-25

●

6.840.000

GP-15HCN1SVN

1.100

1,5

30-145

9

38,7-22

●

9.660.000

GP-20HCN1SVN

1.500

2

30-154

9

46,2-26

●

11.190.000

Panasonic

MÁY BƠM ĐẨY CAO & MÁY BƠM TĂNG ÁP PANASONIC

SONG BƠM HỢP LỰC SỨC NƯỚC TỐI ĐA

- Hiệu suất mạnh mẽ, tuổi thọ đến 10 năm
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN - VẬN HÀNH BỀN BỈ



8000
H

CÙNG PANASONIC CHỐNG LẠI HÀNG GIẢ

với 3 bước trên Hệ thống QR!



TIỆN LỢI

Xác thực nhanh chóng. Kích hoạt bảo hành mọi lúc mọi nơi



UY TÍN

Giúp khách hàng phân biệt hàng chính hãng làm nên thương hiệu Panasonic



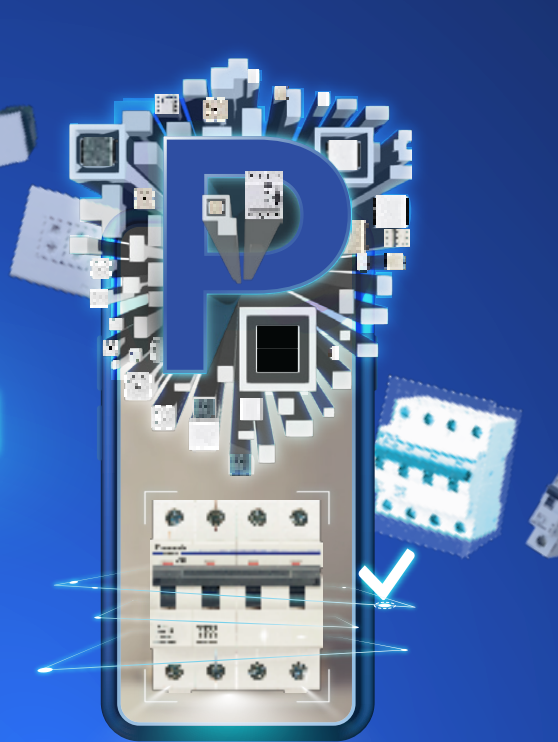
CHẤT LƯỢNG

Đem đến trải nghiệm sản phẩm chân thực & vượt trội cho khách hàng

ĐỊNH DANH HÀNG THẬT CẬP BẾN AN TÂM

Chống lại các hành vi buôn bán hàng giả cùng Hệ thống QR của Panasonic!

Để bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, là Đại lý phân phối và Người tiêu dùng, Panasonic xin giới thiệu Quy trình xác thực hàng chính hãng trên Hệ thống QR.



3 BƯỚC TRÊN HỆ THỐNG QR!



TÌM TEM QR TRÊN SẢN PHẨM

Trên thân sản phẩm Quý khách hàng sẽ tìm thấy tem chính hãng với mã QR.



QUÉT TEM QR VỚI CAMERA ĐIỆN THOẠI

Mở camera điện thoại và quét tem QR, Quý khách hàng sẽ thấy hiển thị đường dẫn đến Hệ thống quản lý PEWVN.



HIỂN THỊ KẾT QUẢ HÀNG CHÍNH HÃNG

Kết quả tra cứu bao gồm
1) Mã sản phẩm, 2) Tên sản phẩm,
3) Mã tham chiếu, 4) Ngày sản xuất.

KẾT QUẢ HIỂN THỊ



XÁC THỰC HÀNG CHÍNH HÃNG

Sản phẩm chính hãng của Panasonic sẽ hiển thị thông tin chi tiết như hình bên.



KÍCH HOẠT BẢO HÀNH SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG

Sau khi xác minh, Quý khách nhập thông tin cá nhân để thực hiện Kích hoạt bảo hành.



BÁO CÁO HÀNG KHÔNG CHÍNH HÃNG

Nếu sản phẩm là hàng giả, Quý khách vui lòng báo về Hotline trên màn hình để được hỗ trợ.

**Hình ảnh chỉ mang tính minh họa*

QUÉT MÃ QR ĐỂ TÌM HIỂU THÊM
QUÉT NGAY



ProClub

TÍCH ĐIỂM CỰC DỄ NHẬN QUÀ THÍCH MÊ



Kích hoạt bảo hành
ngay khi tích điểm
thành công



Thêm bạn
thưởng vô hạn

Xem thêm chi tiết tại:



Nanoco Group



info@nanoco.com.vn



fb.com/nanoco.com.vn



www.nanoco.com.vn

ProClub



Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Thợ thầu

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

BƯỚC 1: Đăng ký tài khoản

* Chọn đối tượng là Nhà phân phối cấp 2

* Điền thông tin và mật khẩu để đăng ký tài khoản



BƯỚC 2: Quét QR trên sản phẩm

* Nhấn vào mục "Quét QR" trên app để quét mã QR trên sản phẩm

BƯỚC 3: Kích hoạt bảo hành / tích điểm

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành" nếu muốn kích hoạt bảo hành cho mình

* Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành cho người khác" nếu kích hoạt bảo hành cho người khác và điền thông tin vào

19006711

Bảo hành Panasonic: 18001593



Zalo



FB Messenger



Youtube

